

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THỊ DIỄM HẰNG

**HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN ĐỐI VỚI
NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI THEO PHÁP LUẬT
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH LONG AN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

LÊ THỊ DIỄM HẰNG

**HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN ĐỐI VỚI
NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI THEO PHÁP LUẬT
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH LONG AN**

**Chuyên ngành : Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự
Mã số : 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. NGUYỄN VĂN HIỂN**

HÀ NỘI - 2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI VÀ HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI	6
1.1 Một số vấn đề chung về người chưa thành niên phạm tội	6
1.2. Một số vấn đề chung về hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội	14
1.3. Pháp luật hình sự một số nước về hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội	24
Chương 2: QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI VÀ VIỆC ÁP DỤNG HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TỪ THỰC TIỄN TỈNH LONG AN	27
2.1. Quy định của pháp luật về hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội	27
2.2 Áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội từ thực tiễn tỉnh Long An.....	40
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN.....	58
3.1. Những điểm mới trong chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội được thể chế hóa trong Bộ luật hình sự 2015 so với Bộ luật hình sự 1999	58
3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn tỉnh Long An	64
3.3. Các giải pháp khác để nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội	73
KẾT LUẬN	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	78

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Thống kê các vụ án hình sự do người chưa thành niên thực hiện đã được xét xử trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2011 đến năm 2015	41
Bảng 2.2: Thống kê các tội phạm do người chưa thành niên thực hiện đã được thụ lý và giải quyết trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2011 đến 2015	42
Bảng 2.3: Thống kê người chưa thành niên phạm tội theo nhóm tuổi trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2011 đến năm 2015	43
Bảng 2.4: Cơ cấu hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2011 đến năm.....	44

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sự phát triển của nền kinh tế thị trường đã, đang và sẽ tạo ra cho chúng ta nhiều cơ hội để phát triển đất nước. Tuy nhiên, mặt trái của nó cũng mang lại nhiều hiện tượng tiêu cực, nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết, trong đó có tình trạng người chưa thành niên phạm tội. Theo thống kê của cơ quan chức năng, các vụ án do người chưa thành niên phạm tội thực hiện ngày càng gia tăng về mặt số lượng và phức tạp về quy mô, tính chất, mức độ gây hại đối với xã hội. Vấn đề trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên trở thành vấn đề đang được dư luận xã hội quan tâm. Việc quy định trách nhiệm hình sự và phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trong Bộ luật hình sự một cách hợp lý sẽ có ý nghĩa quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, đáp ứng được nhu cầu hội nhập và phát triển của đất nước ta hiện nay.

Đảng và Nhà nước ta đã giành nhiều ưu tiên đầu tư cho sự phát triển của thanh, thiếu niên hiện nay và đã thu được nhiều thành quả to lớn, nhiều thế hệ thanh thiếu niên trưởng thành trở thành nhân tài của đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thanh, thiếu niên tích cực vươn lên xứng đáng với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước thì vẫn còn một bộ phận thanh thiếu niên lười biếng, thích hưởng thụ, suy đồi về đạo đức và lối sống, sa đà vào các tệ nạn xã hội, thực hiện những hành vi phạm tội nguy hiểm, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, tác động không tốt đến đời sống xã hội.

Đứng trước những đòi hỏi và thách thức đó Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng nhiều biện pháp xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội. Một trong những văn bản cơ bản, quan trọng về mặt pháp lý là Bộ luật hình sự. Bộ luật hình sự năm 1999 đã dành riêng Chương X quy định về trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, thể hiện mục đích của việc xử lý đối với đối tượng này chủ yếu là nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội, mang đậm tính khoan hồng và nhân đạo xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta. Để đạt được mục đích

đó thì vấn đề cần thiết là phải xác định được hệ thống các chế tài có tính chất đồng bộ. Một trong các chế tài có hiệu quả là hình phạt tù có thời hạn. Bên cạnh đó, nhìn nhận từ góc độ xây dựng pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội còn bộc lộ nhiều hạn chế và bất cập nhất định, đặc biệt là trong điều kiện của nước ta hiện nay. Theo khảo sát của bản thân, tính đến thời điểm hiện tại thì trên địa bàn tỉnh Long An chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu một cách đầy đủ các vấn đề hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội. Do vậy, với mong muốn đóng góp một phần nhỏ vào việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự về trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội nói chung và hình phạt tù áp dụng đối với người chưa thành niên nói riêng, đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp của nước ta trong giai đoạn hiện nay theo tinh thần Nghị quyết số 48-NQ/TW và 49-NQ/TW của Bộ Chính trị, học viên đã lựa chọn vấn đề ***“Hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Long An”*** làm đề tài nghiên cứu của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội là một vấn đề phức tạp. Trong khoa học pháp lý hình sự đã có nhiều công trình nghiên cứu về hình phạt nói chung và hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội nói riêng như: TS. Phạm Mạnh Hùng (2001) Luận án tiến sĩ luật học *“Chế định trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam”*; TS. Nguyễn Sơn (2013) Luận án tiến sĩ luật học *“Các hình phạt chính trong luật hình sự Việt Nam”*; ThS. Đào Tú Hoa (2006) Luận văn thạc sĩ luật học về *“Hình phạt tù trong luật hình sự Việt Nam, những vấn đề lý luận và thực tiễn”*... Ngoài ra còn có một số bài viết được đăng trên các báo và tạp chí chuyên ngành về lĩnh vực người chưa thành niên như: Võ Khánh Vinh và Nguyễn Văn Hoàn (Tạp chí Luật học số 4/1986) *“Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội”*; Đinh Văn Quế (Tạp chí Tòa án nhân dân số 16/2005) *“Một số vấn đề về quyết định hình phạt quy định trong Bộ luật hình sự 1999”*; Trịnh Đình Thê (Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số 10/2007) *“Một số ý kiến về*

áp dụng hình phạt tù đối với người chưa thành niên phạm tội”; Nguyễn Thanh Trúc (Tập chí nghiên cứu lập pháp số 20/2008) “*Biện pháp miễn chấp hành có điều kiện thời hạn còn lại của hình phạt tù đối với người chưa thành niên phạm tội*”.

Mặc dù, việc nghiên cứu của các công trình trên đây diễn ra ở nhiều cấp độ và bình diện khác nhau nhưng chưa có một công trình nào nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội, đặc biệt là ở cấp độ một luận văn thạc sĩ về đề tài “*Hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội theo luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Long An*”. Bên cạnh đó, trong thực tiễn áp dụng pháp luật Việt Nam cũng đã và đang gặp không ít vướng mắc trong việc quy định và áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội.

Do đó, trong luận văn này chúng tôi nghiên cứu về hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng hình phạt này tại địa bàn tỉnh Long An để góp phần nhỏ trong việc đưa ra những kiến nghị khả thi nhằm xây dựng một hệ thống các chính sách hình sự và các biện pháp cưỡng chế có hiệu quả trong việc phòng chống các tội phạm do người chưa thành niên thực hiện trong giai đoạn hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu một cách tổng thể về lý luận, căn cứ pháp lý và thực tiễn áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về hình phạt tù có thời hạn áp dụng với người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn tỉnh Long An, luận văn chỉ ra những bất cập, hạn chế và một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ một số vấn đề lý luận về hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội như: khái niệm về người chưa thành niên phạm tội;

nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội; mục đích của hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.. .

- Phân tích thực trạng quy định về hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành từ thực tiễn áp dụng tại tỉnh Long An, qua đó chỉ ra những bất cập hạn chế cần sửa đổi, bổ sung.

- Đưa ra các kiến nghị, đề xuất cho việc hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự Việt Nam về áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu về hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn chỉ nghiên cứu về hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành

- Phạm vi về thời gian: từ năm 2011 đến năm 2015
- Phạm vi về không gian: địa bàn tỉnh Long An

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về hình phạt và cải tạo con người; các quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về pháp luật nói chung, chính sách hình sự nói riêng, đặc biệt là các quan điểm về giáo dục, phòng ngừa tội phạm do người chưa thành niên thực hiện.

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu các bản án sơ thẩm và phúc thẩm đối với bị cáo là người chưa thành niên; phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp các số liệu, báo cáo của cơ quan chức năng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2011 đến năm 2015; phương pháp so sánh, đối chiếu các số liệu, tài liệu và thực trạng quy định của pháp luật hiện hành...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa về mặt lý luận

Luận văn nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn tỉnh Long An, từ đó góp phần làm sáng tỏ những vấn đề cần lý luận về người chưa thành niên, người chưa thành niên phạm tội và phân tích những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội. Tạo cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các quy định về biện pháp tư pháp và các biện pháp miễn, giảm trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.

6.2. Ý nghĩa về mặt thực tiễn

Thông qua nghiên cứu đề tài sẽ đánh giá được thực trạng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội, qua đó tạo cơ sở giúp cho cơ quan xây dựng pháp luật hoàn thiện hơn nữa các quy định của Bộ luật hình sự về hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội. Những kết quả mà luận văn đạt được có thể được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, tham khảo cho sinh viên, học viên, tài liệu tuyên truyền pháp luật nhằm nâng cao nhận thức cho người chưa thành niên góp phần làm giảm số vụ án do người chưa thành niên gây ra, phục vụ những người làm công tác thực tiễn và những ai có sự quan tâm đến lĩnh vực pháp luật hình sự

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được bố cục thành ba chương gồm:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về người chưa thành niên phạm tội và hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.

Chương 2: Quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội và việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội từ thực tiễn tỉnh Long An.

Chương 3: Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI VÀ HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI

1.1. Một số vấn đề chung về người chưa thành niên phạm tội

1.1.1. Khái niệm người chưa thành niên phạm tội

Người chưa thành niên phạm tội là một vấn đề phổ biến ở tất cả các nước trên thế giới bất kể nước đó có thể chế chính trị như thế nào. Vấn đề NCTNPT đang là mối lo ngại chung cho mọi xã hội và toàn cầu. Song hiểu thế nào về NCTN thì mỗi quốc gia lại có quan niệm khác nhau, điều đó phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, dân trí, phong tục, tập quán của mỗi nước.

Trong pháp luật cũng vậy, mặc dù vấn đề này đã được đề cập tới trong nhiều văn bản pháp luật quốc tế song ở mỗi văn kiện cũng tồn tại những tên gọi khác nhau: NCTN, trẻ vị thành niên và trẻ em. Pháp luật ở mỗi quốc gia cũng có những tiêu chí cụ thể quy định về NCTN khác nhau. Đa số các quốc gia đều quy định trong hệ thống pháp luật độ tuổi được coi là NCTN.

Công ước Quốc tế về quyền trẻ em được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 20/11/1989 tại Điều 1 quy định như sau: “*Trong phạm vi của Công ước này, trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn*” [11]. Như vậy, độ tuổi của trẻ em được pháp luật quốc tế quy định là “người dưới 18 tuổi”.

Bên cạnh, Công ước về quyền trẻ em thì Quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên hợp quốc về việc áp dụng pháp luật đối với NCTN hay còn gọi là Quy tắc Bắc Kinh (United Nations Standard Minimum Rules for the Administration of Juvenile Justice/Beijing Rules) do Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua ngày 29/11/1985 cũng là một văn bản pháp luật quốc tế quan trọng đề cập đến khái niệm “*Người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi*” như là một sự kế thừa của Công ước về Quyền trẻ em, thông qua các quy định cũng giúp chúng ta hiểu NCTN là người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, do sự phát triển của những quốc gia là khác nhau nên khái niệm

NCTN ở các quốc gia cũng khác nhau, bên cạnh việc đưa ra khái niệm này thì Công ước về quyền trẻ em vẫn còn những điều khoản để ngỏ cho các nước quy định về độ tuổi cho NCTN, thậm chí ngay trong một quốc gia các văn bản pháp luật cũng quy định không thống nhất về vấn đề này.

Trong luật hình sự Việt Nam, khái niệm NCTN được nhà làm luật sử dụng với tư cách vừa là đối tượng tác động của tội phạm vừa là chủ thể thực hiện tội phạm. Với tư cách là chủ thể thực hiện tội phạm, NCTNPT là khái niệm không những mang tính pháp lý mà còn có ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc. NCTNPT là người từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi có năng lực trách nhiệm hình sự chưa đầy đủ, do hạn chế bởi các đặc điểm về tâm sinh lý và có lỗi (cố ý hoặc vô ý) trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm [3, tr.9]. Bộ luật hình sự năm 1999 quy định NCTN là những người chưa đủ 18 tuổi, nhưng chỉ những NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi mới có thể phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi nguy hiểm cho xã hội, còn NCTN dưới 14 tuổi thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về những tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, còn NCTN từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm (Điều 12 BLHS 1999). Đồng thời luật hình sự Việt Nam cũng đưa ra khái niệm NCTNPT chỉ bao gồm những người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong luật hình sự là tội phạm (Điều 68 BLHS 1999).

Người chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm, sinh lý. Chính vì vậy mà họ thường có những hành động bông bột, thiếu suy nghĩ, xốc nổi, sự hiểu biết về pháp luật còn hạn chế, thiếu chính xác [16]. Do đó, môi trường sống có tác động rất mạnh mẽ đến quá trình hình thành nhân cách cũng như các bản chất khác thuộc về nhân thân. Họ dễ tiếp thu những thói hư, tật xấu và dễ bị tha hóa về nhân cách và cũng dễ bị kích động, lôi kéo tham gia thực hiện những hành vi phạm pháp. Nhưng ngược lại nếu như những NCTN được sống trong môi

trường được giáo dục tốt của gia đình, nhà trường và xã hội thì họ sẽ có đủ điều kiện phát triển cả về mặt thể chất và tinh thần để trở thành người có ích cho xã hội.

Từ những phân tích trên có thể đưa ra định nghĩa về NCTNPT như sau: *NCTNPT là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự và họ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình theo quy định của pháp luật hình sự.*

1.1.2. Nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội

Người chưa thành niên phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi có hành vi vi phạm các quy định của Bộ luật hình sự và họ phải chịu trách nhiệm hình sự về các hành vi của mình theo quy định của pháp luật hình sự. Khi NCTN có hành vi phạm tội thì Nhà nước bao giờ cũng đặt vấn đề giải quyết trách nhiệm pháp lý của họ trong mối quan hệ với trách nhiệm giáo dục, quản lý của xã hội, của gia đình và nhà trường trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của NCTN. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm. Chính vì vậy, việc xử lý những hành vi phạm tội do NCTN thực hiện cần phải được xem xét kỹ lưỡng nhằm phù hợp và thể hiện được tinh thần nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam cũng như phù hợp với tinh thần Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em.

Nguyên tắc xử lý đối với NCTNPT là những tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong quá trình xây dựng cũng như áp dụng các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản có liên quan đến NCTNPT. Căn cứ vào các chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta về cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm và dựa trên cơ sở những kinh nghiệm trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm do NCTN thực hiện cũng như các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam, nhà làm luật đã quy định một cách toàn diện và thống nhất đường lối xử lý về hình sự đối với NCTNPT tại một chương riêng của Bộ luật hình sự (Chương X – Phần chung).

Nguyên tắc xử lý đối với NCTNPT được quy định tại Điều 69 BLHS 1999, thể hiện đầy đủ quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước ta trong việc bảo vệ NCTN. Các nguyên tắc này bao gồm:

Nguyên tắc thứ nhất: Việc xử lý đối với NCTNPT chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa những sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử của NCTN, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra phạm tội [20].

Việc xử lý đối với NCTNPT là nhằm giáo dục họ ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng các quy tắc của xã hội, giúp họ nhận ra và sửa chữa những sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Đây là nguyên tắc cơ bản và bao trùm xuyên suốt toàn bộ chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta đối với NCTNPT và được thể hiện trong quá trình xử lý các vụ án mà bị can, bị cáo là NCTN. Do chưa phát triển và hoàn thiện về các mặt, cho nên không phải bất cứ trường hợp phạm tội cụ thể nào NCTN cũng có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tức là có khả năng nhận thức đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình thực hiện và hậu quả của nó cũng như khả năng điều khiển hành vi đó. Vì thế, luật hình sự Việt Nam đòi hỏi trong quá trình tố tụng, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cần áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm xác định chính xác mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Ngoài ra, cần làm rõ khả năng nhận thức của NCTN về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, thiệt hại do tội phạm gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự... Chỉ khi làm rõ những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân người phạm tội thì cơ quan tư pháp và người tiến hành tố tụng mới có thể giúp họ nhận thức được sai lầm, để từ đó có thể giáo dục, uốn nắn những hành vi không phù hợp, làm cho họ tự giác sửa chữa để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Nguyên tắc thứ hai: Người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự, nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình, cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục [20].

Miễn trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội có nghĩa là miễn bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đương nhiên kéo theo là miễn phải chịu các hậu quả tiếp theo do sự thực hiện trách nhiệm hình sự từ phía Nhà nước đem lại [24, tr.23]. Như vậy, để có thể được miễn trách nhiệm hình sự trong trường hợp này cần có những điều kiện sau:

Thứ nhất, người phạm tội là NCTN. Theo quy định của BLHS hiện hành, NCTNPT là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS và họ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình theo quy định của pháp luật hình sự.

Thứ hai, tội phạm do NCTN thực hiện phải là tội ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng, gây hại không lớn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 BLHS 1999 thì: *“Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là không đến 3 năm tù; tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là không đến 7 năm tù”*. So với BLHS 1985, BLHS 1999 đã quy định một điểm mới là NCTNPT không chỉ được miễn trách nhiệm hình sự khi phạm tội ít nghiêm trọng mà đối với tội nghiêm trọng cũng được xem xét miễn trách nhiệm hình sự.

Thứ ba, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là những tình tiết thuộc về mặt khách quan, chủ quan của tội phạm, phản ánh nhân thân người phạm tội hoặc chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự mà sự xuất hiện của nó còn làm giảm tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, người phạm tội và kết quả là làm giảm tính chất, mức độ nghiêm khắc của trách nhiệm hình sự, chủ thể được miễn trách nhiệm hình sự, được miễn hình phạt, được xử lý theo tội danh nhẹ hơn, khung hình phạt nhẹ hơn hoặc mức hình phạt

thấp hơn. Theo nguyên tắc này đòi hỏi người phạm tội phải có ít nhất từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên.

Thứ tư, người phạm tội được gia đình, cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục. Luật không quy định trường hợp nào thì gia đình giám sát, giáo dục; trường hợp nào thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục. Vì vậy, tùy từng trường hợp mà quyết định ai là giám sát, giáo dục, cụ thể là: nếu người phạm tội đang sinh sống với gia đình, thì phải được gia đình nhận giám sát, giáo dục; trường hợp người phạm tội không ở với gia đình như đi làm ở cơ quan, tổ chức... thì phải được cơ quan tổ chức nhận giám sát, giáo dục.

Như vậy, theo quy định của nguyên tắc này thì ngoài những điều kiện miễn trách nhiệm hình sự được áp dụng chung, NCTN từ đủ 16 tuổi trở lên phạm tội có thể được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình, cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục. NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Việc miễn trách nhiệm hình sự đối với NCTN được thực hiện theo quy định chung.

Nguyên tắc thứ ba: Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NCTNPT và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong những trường hợp thật cần thiết và phải căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, vào những đặc điểm nhân thân và yêu cầu của phòng ngừa tội phạm [20]. Theo nguyên tắc này thì các cơ quan tiến hành tố tụng có thể áp dụng các biện pháp xử lý khác khi thấy không cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NCTNPT.

Trường hợp cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NCTN thì không có nghĩa là phải áp dụng hình phạt đối với họ mà có thể áp dụng các biện pháp tư pháp khác và thậm chí trong một số trường hợp là miễn hình phạt đối với họ. Tính chất hành vi phạm tội được hiểu là căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của *“hành động phạm tội làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động của tội phạm, gây thiệt hại cho khách thể của tội phạm qua việc chủ thể thực hiện*

một việc bị pháp luật cấm” [35, tr.244]. Nhân thân người phạm tội trong luật hình sự được hiểu là tổng hợp những đặc điểm riêng biệt của người phạm tội có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn về trách nhiệm hình sự của người phạm tội nên việc truy cứu trách nhiệm hình sự cũng cần phải xét đến yếu tố nhân thân người phạm tội. Nhân thân bao gồm nhiều mặt, thể hiện những đặc điểm, đặc tính xã hội khác nhau, thể hiện tính cá biệt và tính không lặp lại của mỗi con người cụ thể [25, tr.56].

Nguyên tắc thứ tư: Nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với NCTNPT thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp như giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào trường giáo dưỡng [21]. Theo nguyên tắc này việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NCTNPT chỉ được đặt ra khi nó thật sự cần thiết, việc xử lý hình sự đối với NCTN chỉ là biện pháp cuối cùng khi các biện pháp xử lý khác của Nhà nước không còn hiệu quả. Trong trường hợp có những biện pháp xử lý khác khoan hồng mà không cần áp dụng hình phạt đối với NCTNPT thì ưu tiên áp dụng các biện pháp này. Các biện pháp tư pháp như giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào trường giáo dưỡng là các biện pháp mang tính giáo dục và nếu người phạm tội được áp dụng thì không bị coi là có án tích. Do đó, Tòa án khuyến khích áp dụng các biện pháp này khi xét đến tính chất, hành vi phạm tội, những đặc điểm về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của NCTNPT.

Nguyên tắc thứ năm: Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với NCTNPT. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho NCTNPT được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng. Không áp dụng hình phạt tiền đối với NCTNPT từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với NCTNPT [20].

Đây là nguyên tắc thể hiện tính nhân đạo sâu sắc trong chính sách pháp luật của Nhà nước ta, phù hợp với tư tưởng xuyên suốt là lấy giáo dục, phòng ngừa là mục đích trung tâm trong mọi hoạt động tố tụng của các cơ quan tư pháp mà bị can, bị cáo là NCTN. Bên cạnh đó, nhằm phù hợp với đặc điểm của NCTNPT và thực

hiện cam kết của Nhà nước ta với cộng đồng quốc tế, nội luật hóa nguyên tắc được ghi nhận trong Công ước Quyền trẻ em, đó là việc giam giữ chỉ được áp dụng cuối cùng khi không có biện pháp nào khác. Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự 1999 cũng đã bổ sung một nguyên tắc xử lý mới đối với NCTNPT: “...*Khi áp dụng hình phạt đối với NCTNPT cần hạn chế áp dụng hình phạt tù*”.

Tù chung thân hoặc tù hình là những hình phạt có tính chất nghiêm khắc nhất, chỉ áp dụng đối với trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Bên cạnh đó, theo nguyên tắc đầu tiên, việc xử lý đối với NCTNPT chủ yếu nhằm giáo dục, cải tạo họ. Do đó, việc quy định không áp dụng hai hình phạt nghiêm khắc nhất là chung thân và tử hình trong hệ thống hình phạt là hoàn toàn phù hợp, điều đó sẽ góp phần giúp đỡ, giáo dục NCTNPT sửa chữa những sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Cùng với việc quy định khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho NCTNPT được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng đã thể hiện rõ nét chính sách nhân đạo của Nhà nước ta đối với NCTNPT.

Nguyên tắc thứ sáu: Án đã tuyên đối với NCTNPT khi chưa đủ 16 tuổi thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm [21]. Án tích là sự kiện pháp lý (bị kết án) được ghi nhận trong lý lịch tư pháp của người phạm tội trong một thời hạn nhất định và là căn cứ để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm [36, tr.134]. Trong thời hạn chưa được xóa án tích mà người phạm tội thực hiện một hành vi phạm tội mới thì sẽ bị coi là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm tùy theo tính chất, mức độ của hành vi đó. Theo quy định tại Điều 49 BLHS 1999 thì tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý. Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy hiểm: đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, đã tái phạm, chưa được xóa án tích.

Như vậy, nguyên tắc án đã tuyên đối với NCTNPT khi chưa đủ 16 tuổi thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm đã khẳng định người

chưa đủ 16 tuổi phạm tội được coi là “không nguy hiểm cho xã hội” mặc dù hành vi do họ thực hiện là gây nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, không nên áp dụng tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm với tư cách là tình tiết định tội của các tội có quy định tình tiết định tội dưới dạng “...đã bị kết án về tội..., chưa được xóa án tích mà còn vi phạm...”. Việc quy định án đã tuyên đối với NCTNPT khi chưa đủ 16 tuổi thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm đã thể hiện được quan điểm nhân đạo của Nhà nước khi xử lý NCTN vi phạm pháp luật, nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường cho các em.

Tóm lại, những quy định tại Điều 69 và Chương X BLHS 1999 đã thể hiện sâu sắc tính nhân đạo trong chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước ta, phù hợp với tư tưởng thống nhất xuyên suốt là lấy giáo dục, phòng ngừa làm mục đích trung tâm trong mọi hoạt động tổ tụng của các cơ quan tư pháp đối với bị can, bị cáo là NCTN. Điều đó góp phần khuyến khích NCTNPT tích cực cải tạo, sửa chữa những sai lầm để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

1.2. Một số vấn đề chung về hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội

Trong lịch sử loài người, hình phạt luôn được coi là công cụ chủ yếu nhất trong việc đấu tranh và phòng chống tội phạm. Hình phạt không phải một cái gì khác ngoài phương tiện để tự bảo vệ mình của xã hội chống lại sự vi phạm của các điều kiện tồn tại của nó [14, tr.835]. Tuy nhiên, việc nhận thức về những vấn đề liên quan đến hình phạt nói chung trong khoa học pháp lý hình sự cho đến bây giờ vẫn chưa có quan điểm thống nhất. Vì vậy, trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay, việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về hình phạt có ý nghĩa rất quan trọng trên cả ba mặt: lập pháp, khoa học và thực tiễn áp dụng pháp luật.

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất được Bộ luật hình sự quy định do Tòa án nhân dân Nhà nước áp dụng đối với người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm và thể hiện ở việc tước đoạt hoặc hạn chế các quyền và lợi ích do pháp luật quy định đối với người bị kết án [40, tr.352].

Pháp luật hình sự nước ta không cho phép áp dụng hình phạt đối với những hành vi không phải là tội phạm, không được quy định trong Bộ luật hình sự, không được quy định trong hệ thống hình phạt hiện hành và trong chế tài của các điều luật cụ thể. Khi hành vi nguy hiểm cho xã hội được coi là tội phạm đòi hỏi phải quy định loại hình phạt và mức hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi do tội phạm thực hiện. Tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: quan hệ xã hội bị xâm phạm, thiệt hại đã gây ra hoặc đe dọa gây ra cho xã hội, ý thức chủ quan của người phạm tội, nhân thân người phạm tội.

Hình phạt tù có thời hạn là một trong những hình phạt chính trong hệ thống hình phạt nói chung và là một trong những loại hình phạt nghiêm khắc nhất được áp dụng đối với NCTNPT. Chính vì vậy, việc phân tích hình phạt này đối với NCTNPT là rất cần thiết, qua đó làm sáng tỏ chính sách hình sự của Nhà nước phản ánh qua chế tài hình sự áp dụng đối với đối tượng có đặc điểm về tâm sinh, lý riêng biệt như NCTN.

1.2.1. Khái niệm hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội

Hình phạt tù là loại hình phạt có lịch sử lâu đời và được quy định hầu hết trong pháp luật hình sự của các nước trên thế giới, hình phạt tù được áp dụng phổ biến và mang lại hiệu quả cao trong việc giáo dục, cải tạo người phạm tội.

Điều 33 BLHS 1999 quy định: “*Tù có thời hạn là hình phạt cách ly người phạm tội ra khỏi xã hội để giáo dục, cải tạo họ trở thành công dân có ích cho xã hội*”. Tù có thời hạn là hình phạt tước tự do, buộc người bị kết án phải cách ly khỏi xã hội và chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo họ trở thành người có ích cho xã hội, ý thức tuân theo pháp luật [41, tr.216].

Sự hạn chế tự do của người bị kết án tù có thời hạn là nội dung pháp lý chủ yếu của loại hình phạt này, là hình phạt phổ biến nhất trong các loại hình phạt của bất cứ quốc gia nào. Tù có thời hạn vẫn có ý nghĩa xã hội trong điều kiện hiện nay ở

nước ta, ý nghĩa đó thể hiện ở chỗ nó cho phép xã hội cách ly những người có mức độ nguy hiểm lớn đối với xã hội, nó vừa đảm bảo được giáo dục và phòng ngừa riêng lại vừa đảm bảo được giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong thời gian chấp hành hình phạt tù có thời hạn, người bị kết án phải chấp hành đầy đủ các nội quy, quy chế của trại giam. Họ được phép học văn hóa và học nghề, tham gia lao động do trại giam tổ chức và được tạo điều kiện để hình thành ý thức tuân thủ pháp luật. Việc tước tự do của người phạm tội và buộc họ phải cải tạo mang mục đích phòng ngừa chung, khi người bị kết án tù và phải chấp hành án tại trại giam thì họ không còn điều kiện để phạm tội, gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

Tù có thời hạn có mức quy định thời hạn tối thiểu là 03 tháng và tối đa là 20 năm. Tuy nhiên, cần phải hiểu đây là chế tài chung, các chế tài cụ thể của từng Phần các tội phạm trong Bộ luật hình sự quy định thời hạn tù cụ thể đối với từng cấu thành tội phạm cụ thể. Trong lịch sử luật hình sự nước ta, tù có thời hạn là hình phạt điển hình nhất và đã được quy định ngay từ đầu. Những văn bản đầu tiên của Nhà nước ta, hoặc là không nói rõ thời hạn tù, việc xác định thời hạn được giao cho các Tòa án, hoặc mức thấp nhất của hình phạt tù được tính bằng ngày, bằng tháng, chứ không phải là ba tháng như hiện nay. Chẳng hạn, Sắc lệnh 68 ngày 30/11/1945 “*án định thể lệ trưng thu và trưng tập tài sản, quy định thời hạn tù từ 06 ngày đến 03 tháng*”. Sắc lệnh 157 ngày 16/8/1946 “*bắt buộc các thư thuốc theo cách bào chế Âu – Mỹ phải dán nhãn hiệu, quy định hình phạt tù từ 03 đến 10 ngày*”. Sau này, qua thực tiễn xét xử, giáo dục, cải tạo người phạm tội ở nước ta đã cho thấy việc sử dụng thời hạn quá ngắn cho hình phạt tù là không có hiệu quả. Do đó, các hình phạt tù đó đã được thay thế bằng các biện pháp hành chính hoặc giáo dục tại chỗ. Bắt đầu từ những năm 50 của thế kỷ XX trở lại đây, các văn bản pháp luật của Nhà nước ta đã thống nhất quy định thời hạn tù tối thiểu là ba tháng, tại Sắc lệnh số 223 ngày 17/11/1946 “*trừng trị các tội hối lộ thì thời hạn tù được quy định là 20 năm*”.

Xét về mặt bản chất, tù có thời hạn là một hiện tượng có mâu thuẫn nội tại của nó. Một mặt nó giữ người phạm tội không thể gây nguy hại cho đối tượng mà

luật hình sự bảo vệ nhưng lại gây ra yếu tố tiêu cực đối với người bị kết án, mà xét trong hoàn cảnh bình thường, xã hội không hề muốn có đối với công dân của mình. Nhà nước cần phải thấy trong người vi phạm pháp luật một phần con người, một phần tế bào sống của Nhà nước, một thành viên của công xã đang thực hiện bổn phận xã hội, một người chủ gia đình mà sự tồn tại là thiêng liêng và cuối cùng, là điều cơ bản nhất, đó là một công dân của đất nước [14, tr. 211].

Chính vì vậy mà lý luận luật hình sự xã hội chủ nghĩa cũng như thực tiễn đấu tranh chống tội phạm ở nước ta đã đi đến khẳng định là: trong những trường hợp khi mà mục đích của hình phạt vẫn có thể đạt được mà không cần đến việc cách ly người phạm tội ra khỏi môi trường bình thường của xã hội, thì cần áp dụng các hình phạt không phải hình phạt tù. Trong BLHS 1999, được sửa đổi bổ sung một số điều năm 2009, quy tắc đó được cụ thể hóa bằng cách đưa ra quy tắc ở phần chung cho phép Tòa án có thể chuyển sang một hình phạt thuộc loại nhẹ hơn hoặc quy định các chế tài lựa chọn ở Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự, trong đó bên cạnh hình phạt tù là các hình phạt không phải hình phạt tù. Việc hạn chế những mặt phản tác dụng của hình phạt tù cũng là lý do của việc không ngừng bổ sung các hình phạt có khả năng thay thế hình phạt tù.

Hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với NCTNPT là loại hình phạt nghiêm khắc nhất. Loại hình phạt này tước tự do, buộc người bị kết án phải cách ly khỏi môi trường xã hội bình thường và chấp hành một chế độ quản lý, giáo dục cải tạo tại trại giam trong một thời hạn nhất định. Việc cách ly khỏi xã hội làm cho người bị kết án bị tước bỏ hoặc hạn chế một số quyền cơ bản nhất định, mà lẽ ra nếu không bị áp dụng hình phạt này thì họ được thực hiện. Đây chính là một nội dung trừng trị của loại hình phạt tù có thời hạn. Song cũng như bất cứ một loại hình phạt nào khác, mục đích chính của hình phạt tù có thời hạn là giáo dục, cải tạo người phạm tội, ngăn ngừa họ phạm tội mới và những ảnh hưởng xấu của họ đối với người khác. Tuy nhiên, hình phạt này mang những hạn chế nhất định: làm cho người bị kết án mất đi những thói quen có ích cho bản thân được hình thành trong môi trường xã hội bình thường như quan hệ gia đình, bạn bè, học tập, sinh hoạt...

Vì môi trường ở trại giam có những đặc trưng khác biệt, điều này gây khó khăn ít nhiều cho họ khi mãn hạn tù trở về với cuộc sống bình thường. Đặc biệt là với NCTNPT, họ đang trong lứa tuổi phát triển thể lực, trí lực và nhân cách thì hình phạt này ảnh hưởng sâu sắc đến tương lai của họ. Đến hiện nay, hình phạt tù vẫn được áp dụng thường xuyên nhưng có thể thấy rằng hình phạt tù có thời hạn là một biện pháp ít mang lại hiệu quả trong việc ngăn ngừa tội phạm. Vì vậy, hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với NCTNPT chỉ được áp dụng khi thật cần thiết và là lựa chọn cuối cùng. Khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với NCTNPT thì Tòa án phải cân nhắc, lựa chọn một thời hạn vừa đúng pháp luật vừa phù hợp với từng bị cáo và ngắn nhất có thể được để đảm bảo mục đích của loại hình phạt, đảm bảo được yêu cầu của Công ước về Quyền trẻ em cũng như nguyên tắc Bắc Kinh.

Điều 74 BLHS 1999 quy định mức hình phạt tù đối với NCTNPT như sau:

1. *“Đối với NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật áp dụng có quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù, nếu tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức hình phạt tù mà điều luật quy định.*

2. *Đối với NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật áp dụng có quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù, nếu tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức hình phạt tù mà điều luật quy định”.*

Có thể khái quát khái niệm về hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với NCTNPT như sau: Hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với NCTNPT là loại hình phạt nghiêm khắc nhất. Loại hình phạt này tước tự do, buộc người bị kết án phải cách ly khỏi môi trường xã hội bình thường và chấp hành một chế độ quản lý, giáo dục cải tạo tại trại giam trong một thời hạn nhất định. Mức tối thiểu của hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với NCTNPT là 03 tháng tù và mức tối đa là 18 năm tù.

1.2.2. Mục đích của hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội

Mục đích của hình phạt là vấn đề quan trọng trong luật hình sự. Mục đích của hình phạt là cơ sở để nhà làm luật quy định về từng loại hình phạt, hệ thống hình phạt cũng như quyết định hình phạt trong luật. Tuy nhiên, cho đến nay, mục đích của hình phạt vẫn còn là vấn đề gây tranh cãi. Tù có thời hạn là một trong những hình phạt điển hình nhất và là hình phạt chính thuộc hệ thống hình phạt, vì vậy mục đích của nó cũng chính là mục đích của hình phạt. Do đó, để tìm hiểu mục đích của hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với NCTNPT nói riêng thì trước hết phải tìm hiểu mục đích của hình phạt nói chung.

Phần lớn các nhà luật học cho rằng mục đích của hình phạt là giáo dục, cải tạo người phạm tội để họ trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật. Còn trừng trị chỉ là biện pháp để đạt được mục đích giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm. Một số khác lại cho rằng bên cạnh mục đích phòng ngừa tội phạm, mục đích của hình phạt còn bao gồm cả yếu tố trừng trị, giáo dục và cải tạo. Một số tác giả với quan điểm nghiêng về trấn áp hình sự lại coi mục đích của hình phạt chỉ là trừng trị, lại có quan điểm nghiêng về đạo đức coi mục đích của hình phạt là giáo dục, cải tạo.

Tuy nhiên, theo Điều 27 BLHS 1999, hình phạt không chỉ nhằm mục đích trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng chống tội phạm. Quan niệm này chẳng những khẳng định một cách dứt khoát trừng trị là một trong những mục đích của hình phạt mà còn nhấn mạnh trừng trị là một yếu tố quan trọng không thể phủ nhận.

Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự là tư tưởng chủ đạo được ghi nhận trong luật hình sự chỉ đạo hoạt động xây dựng và áp dụng luật hình sự mà nội dung cơ bản của nó là sự khoan hồng của luật hình sự đối với người phạm tội... [23, tr.9]. Xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự và dưới góc độ xây dựng Nhà nước pháp quyền ta thấy rằng trừng trị không phải là mục đích của hình phạt mà chỉ là bản chất chủ yếu, là thuộc tính cơ bản nhất của hình phạt, vì nếu không có yếu tố

trừng trị mà chỉ có yếu tố giáo dục đơn thuần thì hình phạt nói riêng sẽ mất đi nội dung của nó. Còn nếu như chỉ thừa nhận giáo dục, cải tạo là mục đích thì sẽ không lý giải được vì sao trong hệ thống hình phạt của nước ta có hình phạt tử hình – loại hình phạt triệt tiêu mọi khả năng giáo dục, cải tạo và tại sao đối với tội phạm do vô ý vẫn có những hình phạt nghiêm khắc như tù có thời hạn.

Qua việc nghiên cứu về mục đích hình phạt nói chung, chúng tôi thấy rằng hình phạt tù có thời hạn được áp dụng đối với NCTNPT cũng mang đầy đủ mục đích của hình phạt nói chung. Tuy nhiên, với đối tượng phải chịu hình phạt là NCTNPT có nhiều đặc điểm về tâm sinh lý khác so với đối tượng là người đã thành niên. Vì vậy, mục đích của hình phạt tù có thời hạn áp dụng với NCTNPT cũng mang những đặc trưng riêng.

Trước hết căn cứ vào độ tuổi của NCTN ta thấy họ là những người đang ở lứa tuổi phát triển về mọi mặt, là lứa tuổi chưa có đầy đủ khả năng nhận thức, chưa có đủ kinh nghiệm trong cuộc sống, quá trình nhận thức còn hạn chế, chủ quan nông cạn trong đánh giá, phân tích hay nhìn nhận tình hình thực tế, dễ bị lôi kéo, dụ dỗ thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, hình phạt tù áp dụng đối với những đối tượng này có mục đích quan trọng không phải là trừng trị mà thông qua trừng trị tác động vào tư tưởng, ý thức của họ nhằm giúp họ nhận thức được sai lầm của mình, từ đó làm cơ sở cho việc giáo dục họ không trở lại con đường phạm tội, để họ trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tôn trọng pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đây là mục đích cao cả mang tính chất nhân đạo khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với NCTNPT.

Nói tóm lại, NCTN có những đặc điểm về tâm sinh lý khác so với người đã thành niên nên việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với họ mục đích quan trọng nhất là nhằm giáo dục họ đồng thời ngăn ngừa họ phạm tội mới, giáo dục những NCTN khác trong xã hội có ý thức tuân thủ pháp luật, góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm do NCTN thực hiện.

1.2.3. Một số đặc thù trong quy định của pháp luật về hình phạt tù đối với người chưa thành niên so với quy định chung.

Quy định của pháp luật về hình phạt tù đối với NCTN cũng có những đặc thù riêng. Hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với NCTNPT từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi được căn cứ dựa vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, môi trường sống, sinh hoạt của họ để thấy rằng việc cách ly họ ra khỏi cuộc sống bình thường là cần thiết. Mức tối thiểu và tối đa của khung hình phạt là 03 tháng và 18 năm, được áp dụng cho nhiều loại tội từ tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Ngoài ra, khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với NCTNPT, Tòa án phải căn cứ vào những đặc điểm riêng của lứa tuổi chưa thành niên cũng như các nguyên tắc xử lý các đối tượng này nên mức hình phạt thường được dựa trên cơ sở độ tuổi, mức độ phát triển về thể chất, tinh thần của NCTN. Mục đích là đảm bảo tính công bằng nghiêm minh của pháp luật, để giáo dục nhưng đồng thời cũng đảm bảo cho đối tượng này phát triển lành mạnh.

Mức hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với NCTNPT được quy định tại Điều 74 BLHS 1999 như sau: *“Đối với NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật áp dụng có quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù, nếu tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức hình phạt tù mà điều luật quy định.”*

Ví dụ 1: NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội giết người (khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự có mức hình phạt cao nhất là tử hình) trường hợp này họ sẽ bị phạt cao nhất là 18 năm tù.

Ví dụ 2: NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội cướp tài sản (khoản 1 Điều 133 BLHS 1999 có khung hình phạt là từ 03 năm đến 10 năm tù) trường hợp này có bị phạt tù không quá 7 năm 6 tháng tù.

“Đối với NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật áp dụng có quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù, nếu tù có thời hạn thì mức hình phạt cao

nhất được áp dụng không quá một phần hai mức hình phạt tù mà điều luật quy định”

Ví dụ 3: NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội hiếp dâm trẻ em (khoản 3 Điều 112 Bộ luật hình sự mức phạt cao nhất là tử hình) trường hợp này họ bị phạt không quá 12 năm tù.

Ví dụ 4: : NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội cố ý gây thương tích (khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự có khung hình phạt là từ 2 năm đến 7 năm tù) trường hợp này họ bị phạt không quá 3 năm 6 tháng tù.

Việc xây dựng mức hình phạt tại Điều 74 BLHS 1999 được các nhà làm luật dựa trên cơ sở sau:

Thứ nhất, theo nguyên tắc xử lý đối với NCTNPT thì không áp dụng hình phạt chung thân và tử hình đối với họ. Vì vậy, khi họ phạm tội có khung hình phạt từ chung thân đến tử hình thì sẽ được giảm xuống áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Mức cao nhất của hình phạt tù có thời hạn là 20 năm. Trong khi đó NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, dù có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ nhưng họ vẫn chưa phát triển hoàn thiện thể lực, trí lực, nhân cách cũng như kinh nghiệm sống như người đã thành niên nên không thể áp dụng mức hình phạt cao nhất là 20 năm mà chỉ áp dụng mức cao nhất là 18 năm. Đối với NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, họ có năng lực trách nhiệm hình sự hạn chế nên cũng không áp dụng mức hình phạt tù cao nhất là 18 năm như NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi mà chỉ áp dụng mức cao nhất là 12 năm.

Thứ hai, việc quy định NCTNPT có khung hình phạt là tù có thời hạn thì họ được áp dụng không quá ba phần tư mức khung hình phạt đối với NCTNPT từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi và một phần hai mức khung hình phạt đối với NCTNPT từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, các nhà làm luật dựa vào năng lực trách nhiệm hình sự của NCTNPT, mức độ phát triển của nhận thức, thể lực và kinh nghiệm sống, đồng thời căn cứ vào mục đích của NCTNPT.

Đối với NCTN phạm nhiều tội, có tội thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt được áp dụng như sau:

“Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi thì hình phạt không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại điều 74 Bộ luật này” (khoản 1 Điều 75 BLHS 1999).

“Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó đủ 18 tuổi thì hình phạt chung được áp dụng như đối với người đã thành niên phạm tội” (khoản 1 Điều 75 BLHS 1999).

Người chưa thành niên phạm tội bị phạt tù có thời hạn phải lao động cải tạo trong các trại giam, phải tuân thủ các quy định của trại trong học tập, sinh hoạt. Họ được giam riêng với người đã thành niên và được giúp đỡ về mặt pháp lý và các sự giúp đỡ thích hợp khác. Người NCTNPT đã chấp hành hình phạt tù có thời hạn đã đủ 18 tuổi sẽ được chuyển sang chế độ giam giữ người đã thành niên.

Trong thời gian chấp hành hình phạt tù có thời hạn, NCTNPT được học tập pháp luật, giáo dục công dân, học văn hóa, học nghề, được thông tin về chính sách thời sự. Ngoài ra, họ cũng được tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và các hoạt động thể dục thể thao thích hợp với nhu cầu giam giữ và điều kiện thích hợp của trại giam.

Đa số các nước trên thế giới đều tổ chức trại giam riêng để giam giữ và giáo dục NCTNPT. Ở nước ta, chưa có trại giam riêng để giam giữ và giáo dục NCTNPT. Tuy nhiên, quan điểm nhất quán của pháp luật hình sự Việt Nam từ trước đến nay là NCTNPT bị phạt tù có thời hạn phải được giam riêng, nhằm tiện cho các biện pháp giáo dục đặc thù đối với họ và nhất là không để người thành niên phạm tội ảnh hưởng xấu đến họ. Tư tưởng này được thể hiện rõ tại Sắc lệnh số 150 – SL ngày 07/11/1950 về tổ chức các trại giam, Nghị định số 181-NV-6 ngày 12/06/1951 của Liên Bộ Nội vụ - Tư pháp ấn định chi tiết về thiết lập, tổ chức, kiểm soát trại giam và ban hành quy tắc trại giam. Tuy nhiên, các văn bản này chỉ nêu *“có thể được thì giam riêng phạm nhân thi hành án dưới 18 tuổi”* (Điều 9 Nghị định) thì tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành đã nêu thành nguyên tắc *“không được giam chung người chưa thành niên với người đã thành niên”*.

Ngoài ra, cũng theo Điều 308 Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành thì cần phân biệt chế độ giam giữ của NCTN với chế độ giam giữ của người đã thành niên. Chế độ giam giữ, cải tạo đối với NCTN phải nhẹ hơn, nhiều ưu đãi hơn và nhất là phải được tổ chức thi hành phù hợp với những đặc trưng tâm lý, sinh lý, nhu cầu của lứa tuổi của nhóm nhân khẩu xã hội đặc biệt này.

1.3. Pháp luật hình sự một số nước về hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội

Tình trạng NCTNPT đã và đang là vấn đề được nhiều nước trên thế giới quan tâm. Xuất phát từ nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất cho trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu, trong pháp luật của hầu hết các quốc gia đều đưa ra khuyến nghị những biện pháp hữu hiệu để xử lý nhằm giảm thiểu tình trạng NCTNPT. Tuy nhiên ở mỗi quốc gia lại có thái độ và cách xử lý vấn đề này khác nhau, phù thuộc vào lịch sử văn hóa và sự phát triển của mỗi quốc gia.

Ở Cộng hòa Pháp vấn đề trách nhiệm hình sự của NCTN được quy định trong Bộ luật hình sự 1980. Bộ luật này quy định mức tối đa ở lứa tuổi thành niên là 16 tuổi sau tăng lên 18 tuổi theo luật ngày 12/04/1906. Pháp lệnh năm 1945 quy định trẻ em dưới 13 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với bất kỳ hành vi trái pháp luật nào do họ thực hiện, họ chỉ có thể chịu các biện pháp giáo dục. Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi về nguyên tắc họ cũng chỉ có thể chịu các biện pháp giáo dục, phòng ngừa hoặc giám sát, tuy nhiên khi căn cứ vào các tình tiết phạm tội và nhân thân người phạm tội, họ có thể chịu hình phạt tù hoặc phạt tiền nhưng đối với người từ đủ 13 tuổi đến 16 tuổi thì được bắt buộc áp dụng các chế độ giảm nhẹ, còn độ tuổi từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì việc áp dụng chế độ giảm nhẹ là tùy nghi. Bộ luật hình sự Pháp năm 1994 không có sự sửa đổi gì so với Pháp lệnh năm 1945. Theo Bộ luật này, những NCTN nhận thức được hành vi của mình sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội nghiêm trọng, các tội ít nghiêm trọng hoặc các tội phạm nhỏ sẽ được bảo vệ, giúp đỡ, giám sát và giáo dục theo các điều kiện được quy định trong một đạo luật riêng. Những biện pháp giáo dục có thể được tuyên đối với NCTN từ 10 đến 18 tuổi, quy định hình phạt đối với

NCTN từ 13 đến 18 tuổi. Về vấn đề áp dụng hình phạt tước tự do theo Điều 20-2 khoản 1 Pháp lệnh năm 1945 quy định các Tòa án khi tuyên hình phạt tước tự do đối với NCTNPT từ 13 tuổi trở lên thì bao giờ mức hình phạt cũng nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội, cụ thể: nếu hình phạt phải chịu là tù chung thân đối với tội đại hình thì hình phạt tù tuyên đối với NCTN không được vượt qua 20 năm. Nếu liên quan đến tù có thời hạn thì hình phạt tù tuyên đối với NCTN chỉ cao nhất bằng một phần hai mức hình phạt so với mức hình phạt áp dụng đối với người thành niên phạm cùng tội và trong trường hợp các tình tiết khác là tương đương.

Theo Bộ luật hình sự Nga quy định độ tuổi bắt đầu phải chịu trách nhiệm hình sự là từ đủ 14 tuổi đối với một số tội phạm nhất định (khoản 2 Điều 20 Bộ luật hình sự Liên Bang Nga). Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về tất cả các tội phạm. Bộ luật hình sự Nga cũng quy định hai loại hình phạt mang tính tước tự do bao gồm hình phạt giam và tù có thời hạn. Phạt tù giam được quyết định đối với người bị kết án chưa thành niên đủ 16 tuổi khi tuyên án, thời hạn từ 01 đến 04 tháng. Phạt tù được quyết định đối với người bị kết án chưa thành niên với thời hạn không quá 10 năm.

Theo Bộ luật hình sự Thái Lan, trẻ em dưới 07 tuổi cũng bị áp dụng hình phạt về những tội được pháp luật quy định. Trẻ em từ 07 đến 14 tuổi nếu phạm tội cũng có thể bị xét xử và phải chịu hình phạt tù nhưng Tòa án sẽ áp dụng biện pháp xử lý đặc biệt bằng cách đưa vào trường cải tạo hoặc gửi trẻ em đó cho một người hoặc cơ quan nào mà Tòa án thấy có khả năng thích hợp với việc cải tạo, giáo dục trẻ em đó (Điều 74 Bộ luật hình sự Thái Lan). NCTN từ 14 đến 17 tuổi có thể bị xử phạt và được hưởng hình phạt đặc biệt, ở độ tuổi này, khi xét xử, tuyên án , Tòa án bao giờ cũng xem xét kỹ hoàn cảnh nhân thân và môi trường sống của người đó (Điều 75 Hình sự Thái Lan).

Kết luận chương 1

Người chưa thành niên phạm tội là đối tượng đặc biệt được điều chỉnh trong pháp luật hình sự Việt Nam. Với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, các quy định của Bộ luật hình sự hiện hành về xử lý đối tượng này và những vấn đề liên quan đã

được quy định hết sức chi tiết và phù hợp với luật pháp quốc tế và được xây dựng dựa trên cơ sở đặc điểm tâm, sinh lý cũng như sự phát triển về thể chất, tinh thần thông qua độ tuổi của NCTN.

Việc xử lý hình sự hành vi phạm tội của NCTN phải đảm các nguyên tắc cơ bản đã được quy định chi tiết trong Bộ luật hình sự, thể hiện được sự nhân đạo cũng như sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta đối với NCTN có nhận thức sai lầm đã thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật.

Trong lịch sử luật hình sự nước ta, tù có thời hạn là hình thức phạt điển hình nhất và đã được quy định rất sớm trong các văn bản pháp luật. Tù có thời hạn là hình phạt phổ biến nhất có mặt ở đa số các tội phạm và được quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự hiện hành, là hình phạt nghiêm khắc nhất có thể áp dụng đối với NCTNPT. Hình phạt này nhằm tước tự do của người bị kết án trong một thời gian nhất định, buộc họ phải lao động, cải tạo trong trại giam theo chế độ cải tạo do pháp luật quy định. Chỉ có thể áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với NCTNPT trong những trường hợp thật cần thiết, khi mà việc áp dụng các hình phạt khác nhẹ hơn đối với họ như phạt tiền, cải tạo không giam giữ không có ý nghĩa về mặt giáo dục, cải tạo và cần phải tước quyền tự do của họ trong một thời gian nhất định để họ nhận thức được mức độ sai lầm của mình do việc thực hiện hành vi phạm tội.

Chương 2

QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI VÀ VIỆC ÁP DỤNG HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TỪ THỰC TIỄN TỈNH LONG AN

2.1. Quy định của pháp luật về hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội

2.1.1. Điều kiện áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội

Tù có thời hạn là hình phạt phổ biến nhất có mặt ở đa số các tội phạm được quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự và là hình phạt nghiêm khắc nhất có thể áp dụng đối với NCTNPT. Hình phạt này nhằm tước bỏ quyền tự do của người bị kết án trong một khoản thời gian nhất định, buộc họ phải lao động, cải tạo trong trại giam theo chế độ cải tạo do pháp luật quy định.

Hình phạt tù giam cũng có những hạn chế nhất định như sau: làm cho người bị kết án mất đi những thói quen có ích đối với bản thân như lao động, học tập, những quan hệ xã hội, quan hệ gia đình... gây cho người bị kết án, sau khi chấp hành xong hình phạt phải mất một thời gian nhất định mới khôi phục được các thói quen này. Chính vì vậy mà hình phạt tù có thời hạn chỉ được áp dụng cho NCTNPT trong những trường hợp thật cần thiết khi mà việc áp dụng các hình phạt khác nhẹ hơn như phạt tiền, cải tạo không giam giữ không có ý nghĩa về mặt giáo dục, cải tạo và cần phải tước quyền tự do của họ trong một thời gian để họ nhận thức được những sai lầm của mình do việc thực hiện hành vi phạm tội. Trong trường hợp mục đích của hình phạt vẫn có thể đạt được mà không cần phải cách ly người phạm tội khỏi môi trường xã hội thì áp dụng hình phạt khác mà không cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

Thực tiễn đấu tranh và phòng chống tội phạm và quá trình xét xử cho thấy, hình phạt tù có thời hạn thường được áp dụng đối với người phạm tội nghiêm trọng, hoặc ít nghiêm trọng nhưng do có nhân thân xấu, hoặc tội ít nghiêm trọng nhưng có

tình tiết định khung tăng nặng trong cấu thành tội phạm hoặc người phạm tội đã gây ra hậu quả tương đối lớn cho xã hội, hoặc phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, người phạm tội thuộc loại tái phạm, tái phạm nguy hiểm... mà không thể áp dụng hình phạt khác nhẹ hơn được, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với họ. Đối với NCTN thì hình phạt tù có thời hạn chỉ được áp dụng đối với họ khi họ phạm tội có tình tiết tăng nặng, có nhân thân xấu, đòi hỏi phải cách ly khỏi môi trường sống hàng ngày trong thời gian nhất định.

Xuất phát từ nguyên tắc xử lý đối với NCTNPT chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa những sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với họ chỉ trong trường hợp thật sự cần thiết và phải xem xét đến khả năng điều khiển hành vi của họ, nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Do đó, hình phạt tù có thời hạn chỉ có thể áp dụng đối với NCTNPT trong trường hợp thật sự cần thiết khi mà việc áp dụng hình phạt khác nhẹ hơn đối với họ như cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ không có ý nghĩa về mặt giáo dục, cải tạo, không đủ sức răn đe và việc cần phải tước quyền tự do của họ trong một thời gian là cần thiết để họ nhận thức được mức độ sai lầm do việc thực hiện hành vi phạm tội.

2.1.2. Quy định về quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội

Quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn loại hình phạt với mức hình phạt cụ thể trong phạm vi luật để áp dụng đối với người phạm tội [35, tr.263]. Quyết định hình phạt có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự. Một mức án đủ nghiêm khắc và công bằng sẽ có tác dụng cải tạo, giáo dục người phạm tội, đồng thời giáo dục người khác tuân theo pháp luật, ngăn ngừa tội phạm mới.

Để có một quyết định hình phạt đúng đắn đối với NCTNPT, trong quá trình xét xử Tòa án phải dựa vào các căn cứ được quy định tại Điều 45 của BLHS, cụ thể là: căn cứ vào quy định của BLHS, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của

hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Khi quyết định hình phạt đối với NCTNPT thì cần thực hiện như sau:

Thứ nhất, xác định mức hình phạt cần áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng dựa vào các quy định chung về quyết định hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự.

Thứ hai, trên cơ sở hình phạt đã được xác định đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng và áp dụng quy tắc quyết định từng loại hình phạt đối với NCTNPT để quy định hình phạt cần áp dụng.

Quyết định hình phạt trong trường hợp người chưa thành niên chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt.

Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt được quy định chính thức là chế định độc lập trong chương quyết định hình phạt tại Điều 52 BLHS 1999 và đây chỉ là trường hợp đặc biệt của quyết định hình phạt.

Để quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt được chính xác, công bằng, đòi hỏi Hội đồng xét xử trước hết phải nhận thức sâu sắc và toàn diện về các căn cứ quyết định hình phạt trong trường hợp này. Theo Điều 52 BLHS 1999, các căn cứ quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt bao gồm:

Căn cứ thứ nhất: Các điều luật của BLHS về các tội phạm tương ứng.

Đây là căn cứ pháp lý để xác định người đó có tội không và tội đó là tội gì, được quy định trong điều khoản nào của BLHS. Sau khi xác định tội danh mà người phạm tội đã phạm, Tòa án phải viện dẫn điều luật quy định về chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt trong bản án để làm căn cứ pháp lý xác định mức độ trách nhiệm hình sự của người chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt.

Căn cứ thứ hai: Tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt.

Sau khi xác định bị cáo phạm tội gì, thuộc giai đoạn nào của hành vi phạm tội, Tòa án phải cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi

chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt. Tòa án phải ghi rõ trong bản án những tình tiết cụ thể chứng minh tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt. Chủ yếu dựa vào các tình tiết sau:

- + Tầm quan trọng của quan hệ xã hội bị xâm hại hoặc đe dọa xâm hại;
- + Hành vi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt được thực hiện dưới hình thức gì (đồng phạm, một người phạm tội hay phạm tội có tổ chức);
- + Phương pháp, thủ đoạn phạm tội của hành vi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt;
- + Mức độ lỗi;
- + Các đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội như bị cáo là người đã thành niên hay chưa thành niên, là phụ nữ có thai hay người già...

Căn cứ thứ ba: Mức độ thực hiện ý định phạm tội.

Đây là kết quả thực tế người phạm tội đạt được so với mục đích đặt ra. Do vậy, nếu mức độ thực hiện phạm tội càng tiến gần mục đích phạm tội thì hành vi của người phạm tội càng nguy hiểm và hình phạt mà Tòa án tuyên cho họ càng nghiêm khắc. Để xác định đúng mức độ thực hiện ý định phạm tội thì xác định chính xác tội phạm đã dừng lại ở giai đoạn nào (chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt). Nếu sau khi xác định tội phạm dừng lại ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, thì Hội đồng xét xử phải xác định mức độ của hành vi chuẩn bị phạm tội. Tất nhiên, hành vi chuẩn bị xong ở dạng tinh vi, xảo quyệt sẽ phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn so với hành vi chuẩn bị phạm tội ở dạng đơn thuần, mức độ thực hiện chuẩn bị thấp. Nếu xác định tội phạm dừng lại ở giai đoạn phạm tội chưa đạt, thì Hội đồng xét xử phải xác định rõ hành vi phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt nào? Chưa đạt chưa hoàn thành, chưa đạt đã hoàn thành hay chưa đạt vô hiệu. Về nguyên tắc, nếu người phạm tội đã thực hiện hết hành vi khách quan được mô tả trong cấu thành tội phạm nhưng hậu quả chưa xảy ra thì trường hợp này người phạm tội sẽ phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn so với trường hợp chưa đạt mà người phạm tội chưa thực hiện hết hành vi khách quan được mô tả trong cấu thành tội phạm (trong điều kiện các tình tiết khác tương đương). Điều đó có nghĩa là người phạm tội thuộc trường

hợp phạm tội chưa đạt đã hoàn thành cũng như chưa đạt vô hiệu sẽ chịu hình phạt nghiêm khắc hơn trường hợp chưa đạt chưa hoàn thành (trong điều kiện các tình tiết khác tương đương).

Căn cứ thứ tư: Những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng.

Để quyết định hình phạt chính xác, công bằng cho người phạm tội, Tòa án không chỉ dựa vào ba căn cứ kể trên mà còn phải dựa vào căn cứ rất quan trọng là những tình tiết khách quan xảy ra ngoài ý muốn của người phạm tội, còn bản thân người phạm tội vẫn có xu hướng ý chí thực thực hiện tội phạm đến cùng. Những tình tiết này có ý nghĩa quan trọng trong việc làm sáng tỏ mức độ quyết tâm thực hiện tội phạm, phương pháp, thủ đoạn phạm tội cũng như hình thức phạm tội nguy hiểm đến mức nào. Trên thực tế, những tình tiết khách quan khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng có thể là:

- + Có những tình huống bất ngờ xảy ra mà bản thân người phạm tội không lường trước được.

- + Người bị hại đã tránh được hoặc chống cự được.

- + Người khác đã ngăn chặn được.

Tòa án cần phân biệt các tình tiết nói trên với trường hợp tội phạm không thực hiện được đến cùng do nhưng nguyên nhân chủ quan như do bản thân người phạm tội không thực hiện tội phạm đến cùng dù không có gì ngăn cản.

Tóm lại, để quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt chính xác, Tòa án cần cân nhắc đồng thời cả bốn căn cứ nói trên, không nên coi nhẹ hoặc quá nhấn mạnh căn cứ nào. Theo quy định tại Điều 52 BLHS 1999, hình phạt áp dụng cho trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt thấp hơn so với trường hợp tội phạm hoàn thành, hình phạt áp dụng cho trường hợp chuẩn bị phạm tội thấp hơn so với trường hợp tội phạm chưa đạt. Việc phân hóa đường lối xử lý như trên tạo cơ sở pháp lý cho Tòa án cá thể hóa hình phạt cho người phạm tội được chính xác và công bằng.

Quyết định hình phạt tù có thời hạn trong trường hợp người chưa thành niên phạm một tội.

Theo quy định tại Điều 71 BLHS 1999, NCTN phạm một tội chỉ có thể bị áp dụng một trong bốn hình phạt gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn. Trong đó, tù có thời hạn là hình phạt nghiêm khắc nhất trong tất cả các hình phạt được áp dụng đối với NCTNPT vì buộc người kết án phải cách ly khỏi xã hội, thực hiện chế độ lao động, học tập và cải tạo theo quy định chặt chẽ của trại giam. Khi quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với NCTNPT, Tòa án thực hiện theo quy định sau:

Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

Ví dụ: Một người 17 tuổi thực hiện hành vi giết người. Nếu thuộc khoản 1 Điều 93 BLHS 1999 thì mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình thì Tòa án chỉ được phép áp dụng hình phạt cao nhất là 18 năm tù. Nếu thuộc khoản 2 Điều 93 BLHS 1999 có mức hình phạt tù 7 năm đến 15 năm tù thì Tòa án chỉ có thể quyết định mức hình phạt cao nhất là $\frac{3}{4} \times 15 \text{ năm} = 11 \text{ năm } 3 \text{ tháng}$ tù.

Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

Ví dụ: Một người 15 tuổi thực hiện hành vi giết người. Nếu thuộc khoản 1 Điều 93 BLHS 1999 thì mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình thì Tòa án chỉ được phép áp dụng hình phạt cao nhất là 12 năm tù. Nếu thuộc khoản 2 Điều 93 BLHS năm 1999 có mức hình phạt tù 7 năm đến 15 năm tù thì Tòa án chỉ có thể quyết định mức hình phạt cao nhất là $\frac{1}{2} \times 15 \text{ năm} = 7 \text{ năm } 6 \text{ tháng}$ tù.

Đây chính là cách xác định mức hình phạt tù tối đa đối với NCTNPT. Để xác định mức hình phạt cụ thể đối với mỗi bị cáo là NCTN, khi xét xử Tòa án cần căn cứ vào Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP, ngày 12/05/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS:

“11. Về việc quyết định hình phạt tù đối với người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội

11.1 Khi quyết định hình phạt tù đối với người chưa thành niên phạm tội thì cần thực hiện như sau:

a) Xác định mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội như đối với trường hợp người phạm tội là người đã thành niên

b) Trường hợp người chưa thành niên phạm tội là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì hình phạt áp dụng đối với họ là $\frac{3}{4}$ mức hình phạt áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội được xác định theo hướng dẫn tại điểm a tiểu mục 11.1 này;

c) Trường hợp người chưa thành niên phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì hình phạt áp dụng đối với họ là $\frac{1}{2}$ mức hình phạt áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội được xác định theo hướng dẫn tại điểm a tiểu mục 11.1 này.

Ví dụ: A là người chưa thành niên phạm tội “vận chuyển trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 194 của BLHS, có khung hình phạt từ 15 năm đến 20 năm tù thì trước hết cần xem A là người đã thành niên phạm tội. Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được áp dụng Điều 47 của BLHS, nếu A là người đã thành niên thì xét xử A mức hình phạt 12 năm tù là thỏa đáng. Vì A là người chưa thành niên, nếu A từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì mức hình phạt đối với A là 9 năm tù ($\frac{3}{4}$ của 12 năm tù); nếu A từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì mức hình phạt đối với A là 6 năm tù ($\frac{1}{2}$ của 12 năm tù).

11.2 Khi quyết định hình phạt tù đối với người chưa thành niên phạm tội, cần phân biệt:

a) Trường hợp theo cách tính hướng dẫn tại tiểu mục 11.1 mục 11 này, mà mức hình phạt tù được xác định đối với người chưa thành niên phạm tội thấp hơn mức tối thiểu của hình phạt tù có thời hạn (ba tháng) thì cần áp dụng loại hình phạt khác nhẹ hơn đối với họ mà không được quyết định hình phạt tù dưới ba tháng.

b) Trường hợp theo cách tính hướng dẫn tại tiểu mục 11.1 mục 11 này, mà mức hình phạt tù được xác định đối với người chưa thành niên phạm tội có dư ngày không tròn tháng thì chỉ nên xử phạt mức phạt tù bằng số tròn tháng không lấy số dư ngày”.

Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam trong quá trình điều tra, truy tố xét xử thì thời gian bị tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù theo nguyên tắc cứ một ngày tạm giữ, tạm giam bằng một ngày tù.

Quyết định hình phạt trong trường hợp người chưa thành niên phạm nhiều tội.

Phạm nhiều tội là trường hợp một người đã phạm nhiều tội khác nhau được quy định trong BLHS mà những tội này chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS, chưa bị kết án lần nào, nay bị Tòa án đưa ra xét xử cùng một lần về các tội phạm đó [37, tr. 89].

Bộ luật hình sự nước ta hiện nay không có quy định tổng hợp hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội mà các tội đều thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, căn cứ vào nguyên tắc xử lý cũng như chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với NCTNPT, Tòa án có thể tổng hợp hình phạt bằng việc ra quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó tổng hợp thành hình phạt chung, hình phạt chung này không được vượt mức cao nhất mà Điều 74 BLHS 1999 quy định (tức là không vượt quá 18 năm tù).

Trong khoa học pháp lý hình sự, có ba trường hợp phạm nhiều tội sau:

Trường hợp thứ nhất: Người phạm tội có nhiều hành vi phạm tội khác nhau và mỗi hành vi này cấu thành một tội độc lập, không có liên quan với nhau.

Trường hợp thứ hai: Người phạm tội có nhiều hành vi phạm tội khác nhau, mỗi hành vi cấu thành một tội khác nhau, nhưng chúng có liên quan với nhau và

cùng nhằm một mục đích phạm tội. Trong trường hợp này chỉ coi là phạm nhiều tội nếu các hành vi của người phạm tội đều nghiêm trọng. Nếu trong số các hành vi phạm tội đó có hành vi nghiêm trọng, hành vi ít nghiêm trọng thì chỉ xét xử về tội có hành vi nghiêm trọng, hành vi ít nghiêm trọng là tình tiết của vụ án.

Trường hợp thứ ba: Người phạm tội chỉ thực hiện một hành vi nhưng hành vi đó lại thỏa mãn dấu hiệu pháp lý của nhiều tội khác nhau.

Trên thực tế, có những trường hợp NCTN phạm nhiều tội, do đó vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội là một trong những vấn đề quan trọng. Với chính sách hình sự đặc biệt, quyết định hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội cũng mang tính đặc trưng riêng biệt, nhất là trong vấn đề tổng hợp hình phạt.

Đối với NCTN phạm nhiều tội, khi tổng hợp hình phạt ngoài việc căn cứ vào Điều 50 BLHS 1999 và Điều 51 BLHS 1999 như đối với người thành niên phạm nhiều tội thì Tòa án còn căn cứ vào Điều 74 BLHS 1999 và Điều 75 BLHS 1999.

Điều 75 BLHS 1999 quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội. Tuy nhiên, Khi áp dụng Điều 75 BLHS cần lưu ý:

Vấn đề thứ nhất: BLHS 1999 quy định “tội nặng nhất” chứ không phải là “mức hình phạt cao nhất” mà Tòa án quy định cho mỗi tội phạm và luật hình sự cũng chỉ khoan hồng đối với trường hợp phạm nhiều tội trong đó có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi mà trong đó tội nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi. Nếu nhận thức không đúng về vấn đề này sẽ dễ dẫn đến những sai sót trong quyết định hình phạt.

Vấn đề thứ hai: Khi quyết định hình phạt đối với những tội mà bị cáo thực hiện trước khi đủ 18 tuổi thì phải áp dụng các quy định về hình phạt đặc trưng cho NCTNPT theo quy định tại Chương X BLHS 1999.

Để có thể áp dụng Điều 75 BLHS 1999, cần xác định khái niệm “tội nặng nhất”. Vấn đề xác định tội nặng nhất khi NCTN phạm nhiều tội được quy định tại Nghị quyết 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khi xác định được tội nặng nhất thì việc tổng hợp hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội, có tội thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi, có tội thực hiện khi đã đủ 18 tuổi có những điểm khác biệt như sau:

Thứ nhất, khi quyết định hình phạt từng tội đối với NCTNPT thì đối với những tội mà NCTN thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi phải áp dụng các quy định về hình phạt đặc trưng đối với NCTNPT theo quy định tại Chương X BLHS 1999. Đối với những tội mà người phạm tội thực hiện khi đã đủ 18 tuổi thì quyết định hình phạt như đối với người thành niên phạm tội.

Thứ hai, khi tổng hợp hình phạt, nếu tội phạm nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi thì áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 75 BLHS 1999 nghĩa là: Nếu NCTNPT từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi thực hiện tội phạm nặng nhất, nếu điều luật áp dụng quy định tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định. Nếu NCTNPT từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu điều luật áp dụng quy định tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

Thứ ba, khi tổng hợp hình phạt nếu tội phạm nặng nhất được thực hiện khi người đó đủ 18 tuổi, thì vấn đề tổng hợp hình phạt áp dụng như đối với người đã thành niên phạm nhiều tội, nghĩa là mức hình phạt tù có thời hạn chung cao nhất là 30 năm tù.

Hiện nay, BLHS hiện hành không quy định cụ thể vấn đề tổng hợp hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội mà các tội đều thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định về hình phạt đối với NCTNPT, nếu NCTN phạm nhiều tội, thì khi tổng hợp hình phạt thì mức hình phạt chung cao nhất sẽ không thể nào cao hơn mức hình phạt quy định tại Điều 74 BLHS 1999. Nếu trong tổng hợp hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội mà các tội đều thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi có mức tổng hợp hình phạt cao hơn quy định tại Điều 74 BLHS 1999 sẽ

dẫn đến mâu thuẫn, không thống nhất trong vấn đề quyết định hình phạt nói riêng và trong chính sách hình sự của Nhà nước đối với NCTNPT nói chung.

2.1.3. Miễn, giảm trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội

Miễn trách nhiệm hình sự

Miễn TNHS được hiểu là việc cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền không buộc người phạm tội phải chịu TNHS về tội mà họ đã phạm khi có đủ căn cứ theo luật định.

Miễn TNHS hoàn toàn khác với trường hợp không phạm tội. Người được miễn TNHS là người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, vì lý do nhân đạo và khi hội đủ các điều kiện luật định, các cơ quan tư pháp có thể cho họ được miễn TNHS. Việc đình chỉ vụ án do bị can được miễn TNHS không làm phát sinh quan hệ bồi thường oan sai vì xét cho cùng họ đã phạm tội nhưng do thỏa mãn những điều kiện luật định nên được miễn TNHS. Không phạm tội là trường hợp một người tuy đã thực hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội nhưng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Đối với trường hợp đình chỉ vụ án vì không có tội phạm sẽ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng gây ra.

Qua nghiên cứu BLHS 1999, các trường hợp miễn TNHS bao gồm:

- Miễn TNHS do tự ý nữa chừng chấm dứt việc phạm tội (Điều 19 BLHS)
- Miễn TNHS do hết thời hiệu truy cứu TNHS (Điều 23 BLHS)
- Miễn TNHS do chuyển biến tình hình (khoản 1 Điều 25 BLHS)
- Miễn TNHS do tự thú (khoản 2 Điều 25 BLHS)
- Miễn TNHS do đại xá (khoản 3 Điều 25 BLHS)

Đối với NCTNPT, do chính sách hình sự khoan hồng đặc biệt của Đảng và Nhà nước ta, ngoài các trường hợp được miễn TNHS nêu trên, NCTNPT còn có thêm một trường hợp có thể được xem xét để miễn TNHS được quy định tại khoản 2 Điều 69 BLHS 1999, đó là: *“Người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn TNHS, nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không*

lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục.”

Như vậy, theo quy định trên thì để được miễn TNHS, NCTNPT phải hội đủ các điều kiện sau:

- Tội phạm mà NCTN thực hiện phải là tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng. Việc xác định tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng được dựa vào khoản 3 Điều 8 BLHS 1999.

- Gây hại không lớn, nghĩa là hậu quả thiệt hại về vật chất, thể chất, tinh thần do tội phạm gây ra không lớn.

- Có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tức là có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên được quy định tại Điều 46 BLHS 1999.

- Được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục.

Khi có đủ tất cả các điều kiện trên thì cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền có thể xem xét cho NCTN được miễn TNHS về tội mà họ đã thực hiện. Ở đây, TNHS được xem xét trong mối quan hệ có thể được miễn chứ không phải là tất yếu được miễn. Do vậy, đây là trường hợp miễn TNHS mang tính tùy nghi lựa chọn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Giảm hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội

Quán triệt nguyên tắc xử lý NCTNPT chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa những sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Khi NCTNPT đã nhận ra được những lỗi lầm của mình, toàn tâm hướng thiện, Nhà nước ta có quy định riêng về chính sách xét giảm hình phạt cho họ nhằm tạo điều kiện để họ có thể sớm trở về với gia đình, người thân và sớm làm lại cuộc đời.

Điều 76 BLHS 1999 quy định: *“Người chưa thành niên bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu có nhiều tiến bộ và đã chấp hành được một phần tư thời hạn, thì được Tòa án xét giảm, riêng đối với hình phạt tù, mỗi lần có thể giảm đến bốn năm nhưng phải bảo đảm đã chấp hành ít nhất là hai phần năm mức hình phạt đã tuyên”*.

Với quy định này thì NCTNPT đang chấp hành hình phạt tù và cải tạo không giam giữ được xem xét giảm hình phạt nếu thỏa mãn hai điều kiện: có nhiều tiến bộ và đã chấp hành được một phần tư thời gian được nêu trong bản án của Tòa án. Sự tiến bộ biểu hiện ở việc người đó chấp hành nghiêm nội quy, quy định của trại cải tạo hoặc chế độ cải tạo không giam giữ, tích cực trong lao động học tập.

Về mức giảm đối với hình phạt tù, có thể giảm nhiều lần, mỗi lần có thể giảm đến bốn năm nhưng phải đảm bảo đã chấp hành ít nhất là hai phần năm mức hình phạt đã tuyên.

Bên cạnh trường hợp được giảm hình phạt nêu trên, BLHS còn mở rộng thêm một số trường hợp được xem xét giảm, một phần hình phạt còn lại của NCTNPT. Cụ thể, tại khoản 2 và khoản 3 Điều 76 BLHS 1999 quy định:

“2. Người chưa thành niên bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo, thì được xét giảm ngay và có thể được miễn chấp hành hình phạt còn lại

3. Người chưa thành niên bị phạt tiền nhưng lại lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra hoặc lập công lớn, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định giảm hoặc miễn việc chấp hành phần tiền phạt còn lại”

Như vậy, nếu thỏa mãn một trong hai điều kiện là: đã lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì NCTN đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù được xét giảm ngay và có thể được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại mà không cần phải chấp hành được một phần tư mức hình phạt đã tuyên hay chưa.

Để xác định “đã lập công” và “mắc bệnh hiểm nghèo” cơ quan áp dụng pháp luật căn cứ vào Thông tư liên tịch số 09/2012/TTLT – BCA – BQP –TANDTC – VKSNDTC, ngày 16/08/2012 của Bộ Công an, Bộ quốc phòng, Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, hướng dẫn việc giảm miễn thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ và miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú, quản chế còn lại. Theo đó:

- Đã lập công: là trường hợp người chấp hành án có thành tích xuất sắc trong lao động, học tập, công tác, chiến đấu được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc xác nhận.

- Mắc bệnh hiểm nghèo: là trường hợp người chấp hành án đang bị những căn bệnh nguy hiểm đến tính mạng, khó có phương thức chữa trị như: ung thư giai đoạn cuối, xơ gan cổ chướng, lao nặng độ 4 kháng thuốc, bại liệt, suy tim độ 3, suy thận độ 4 trở lên, HIV giai đoạn AIDS đang có các nhiễm trùng cơ hội không có khả năng tự chăm sóc bản thân và có nguy cơ tử vong cao.

Đối với hình phạt tiền, NCTNPT có thể được giảm hoặc miễn chấp hành phần hình phạt tiền còn lại khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Người chưa thành niên bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra hoặc lập công lớn.

- Được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân đề nghị.

2.2 Áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội từ thực tiễn tỉnh Long An

2.2.1. Khái quát tình hình xét xử đối với các tội phạm do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn tỉnh Long An

Long An là một tỉnh nằm ở tọa độ $10^{\circ}21' - 12^{\circ}19'$ Bắc và $105^{\circ}30' - 106^{\circ}59'$ Đông, phía Bắc giáp tỉnh Tây Ninh và Vương quốc Campuchia trên chiều dài biên giới 137,5 km, phía Nam giáp tỉnh Tiền Giang, phía Tây giáp tỉnh Đồng Tháp, phía Đông giáp Thành phố Hồ Chí Minh, Long An giữ vị trí và vai trò là đầu mối giao thông quan trọng, nối liền các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với Thành phố Hồ Chí Minh. Trong những năm qua, nhờ thực hiện đổi mới đồng bộ về kinh tế mà kinh tế của tỉnh ngày càng phát triển, từng bước vươn lên tầm cao mới, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trong tỉnh không ngừng được nâng cao. Theo đó, góp phần tích cực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được thì mặt trái của sự phát triển kinh tế cũng làm ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình tội phạm nói chung, tội phạm là NCTN nói riêng. Mặc dù, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và phòng chống

vi phạm pháp luật đối với NCTN nói riêng trên địa bàn tỉnh Long An đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, hiện nay do nhiều nguyên nhân khác nhau, tình trạng về NCTNPT đang có xu hướng gia tăng về số lượng, phức tạp về thủ đoạn thực hiện. Qua công tác thu thập số liệu từ kết quả giải quyết các vụ án hình sự của Tòa án tỉnh Long An từ năm 2011 đến năm 2015 ta thấy tình hình NCTNPT từ thực tiễn tỉnh Long An như sau:

Theo số liệu báo cáo của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, từ năm 2011 đến năm 2015 trên toàn địa bàn tỉnh Long An (bao gồm 14 huyện: Cần Giuộc, Cần Đức, Bến Lức, Thủ Thừa, Tân Trụ, Tân Hưng, Châu Thành, Đức Hòa, Đức Huệ, Tân Thạnh, Thị xã Kiến Tường, Tp. Tân An, Thạnh Hóa, Mộc Hóa), Tòa án các cấp đã giải quyết 6.118 vụ án hình sự sơ thẩm, với tổng bị cáo là 9.851. Trong đó số vụ án do NCTN thực hiện là 291 vụ, chiếm 4,76% tổng số vụ án hình sự giải quyết trên toàn tỉnh, số bị cáo là NCTN là 358 bị cáo chiếm 3,63% tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử.

Bảng 2.1: *Thống kê các vụ án hình sự do người chưa thành niên thực hiện đã được xét xử trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2011 đến năm 2015*

Năm	Tội phạm nói chung		Tội phạm có bị cáo là NCTN		Tỷ lệ tội phạm là NCTN so với tội phạm nói chung (%)	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2011	1.028	1.617	62	73	6,03	4,51
2012	1.270	1.927	59	71	4,65	3,68
2013	1.356	2.155	64	75	4,72	3,48
2014	1.196	1.873	68	80	5,69	4,27
2015	1.268	2.279	38	59	3,00	2,59
Tổng	6.118	9.851	291	358	4.76	3.63

(Nguồn: Báo cáo thống kê Tòa án nhân dân tỉnh Long An)

Tội phạm do NCTN thực hiện rất đa dạng, chiếm hầu hết ở các tội danh hình sự nói chung. Tuy nhiên, trong đó tập trung vào các tội xâm phạm sở hữu như: Cướp tài sản, cướp giết tài sản, trộm cắp tài sản; Tội xâm phạm tính mạng sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người như tội giết người, tội cố ý gây thương tíchchiếm số lượng không nhỏ, được thể hiện qua bảng phân tích sau:

Bảng 2.2: *Thống kê các tội phạm do người chưa thành niên thực hiện đã được thụ lý và giải quyết trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2011 đến 2015*

Tội phạm	Tổng thụ lý		Tổng giải quyết	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
Giết người	20	25	20	25
Cố ý gây thương tích	28	34	28	34
Hiếp dâm	35	35	35	35
Cướp tài sản	28	37	28	37
Cưỡng đoạt tài sản	05	07	05	07
Cướp giết tài sản	15	17	15	17
Trộm cắp tài sản	79	91	76	87
Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	08	08	08	08
Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	05	06	05	06
Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy	06	06	05	05
Vi phạm các quy định giao thông đường bộ	16	17	16	17

Tổng cộng	245	283	241	278
------------------	------------	------------	------------	------------

(Nguồn: Báo cáo thống kê Tòa án nhân dân tỉnh Long An)

Theo BLHS hiện hành thì trách nhiệm hình sự đối với NCTN được phân hóa theo hai nhóm tuổi khác nhau: từ 14 đến dưới 16 tuổi và từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, BLHS quy định về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của NCTN là vì xuất phát từ khả năng nhận thức về pháp luật, trình độ hiểu biết và kinh nghiệm sống ở các độ tuổi khác nhau là khác nhau. Qua thực tiễn công tác xét xử NCTNPT trên địa bàn tỉnh Long An cũng cho thấy rằng: NCTN thực hiện hành vi phạm tội chủ yếu rơi vào độ tuổi từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, NCTNPT trong độ tuổi từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất ít, được thể hiện qua bảng phân tích sau:

Bảng 2.3: Thống kê người chưa thành niên phạm tội theo nhóm tuổi trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2011 đến năm 2015

Năm	Tổng số NCTNPT	NCTNPT trong độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi		NCTNPT trong độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	
		Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %
2011	59	03	5,08	56	94,92
2012	71	02	2,82	69	97,18
2013	73	03	4,11	70	95,89
2013	75	04	5,33	71	94,67
2014	80	02	2,50	78	97,50
Tổng số	358	13	3,63	344	96,37

(Nguồn: Báo cáo thống kê Tòa án nhân dân tỉnh Long An)

2.2.2. Thực tiễn áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội tại tỉnh Long An

Theo các số liệu báo cáo tổng kết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An trong các năm 2011, 2012, 2013, 2014 và 2015 về NCTNPT thì số lượng NCTNPT ngày

một gia tăng, đặc biệt tăng về các tội có tính chất nguy hiểm và đặc biệt nguy hiểm. Chính vì vậy, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo là NCTNPT, Tòa án buộc phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức độ cao. Bảng số liệu dưới đây thể hiện hình phạt tù áp dụng đối với NCTNPT chiếm đa số về tỷ lệ so với các hình phạt khác rất nhiều.

Bảng 2.4: Cơ cấu hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2011 đến năm

Hình phạt	Năm					Tổng	Phần trăm (%)
	2011	2012	2013	2014	2015		
Cảnh cáo	0	0	0	0	0	0	0
Phạt tiền	0	0	0	2	1	3	0,84
Cải tạo không giam giữ	3	0	0	3	1	7	1.96
Ấn treo	15	24	16	15	18	88	24,58
Tù từ 03 năm trở xuống	25	35	38	31	36	165	46,09
Tù từ 3 năm đến 7 năm	16	12	19	23	23	93	25,96
Tù từ trên 7 năm đến 15 năm	0	0	0	1	1	2	0,56
Tù từ 15 năm đến 18 năm	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	59	71	73	75	80	358	100

(Nguồn: Báo cáo thống kê Tòa án nhân dân tỉnh Long An)

Theo số liệu trên đây, có thể thấy rằng số NCTNPT bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn chiếm một tỷ lệ lớn. Điều này thể hiện rằng khi Tòa án xét xử, quyết định hình phạt đối với NCTNPT áp dụng nhiều nhất là hình phạt tù. Mặc dù, các Công ước quốc tế như Công ước về Quyền trẻ em năm 1989; Nguyên tắc Bắc Kinh năm 1985, Quy tắc Havana 1990.... điều khuyến cáo rằng: đối với NCTNPT thì hình phạt tù có thời hạn “*chỉ được áp dụng như một biện pháp cuối cùng*” và “*cần*

phải hạn chế áp dụng hình phạt tù” nhưng trên thực tế không có hình phạt nào tốt hơn để thay thế trong trường hợp các bị cáo là NCTN nhưng lại phạm những tội có tính chất rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng như: giết người, cố ý gây thương tích, cướp tài sản... với thủ đoạn phạm tội khôn ngoan, tinh vi, xảo quyệt, thậm chí mang tính chất côn đồ hung hãn thì dù cho có vận dụng nguyên tắc xử lý hình sự đối với NCTNPT và hạn chế việc áp dụng hình phạt tù thì Tòa án cũng không có sự lựa chọn khác hơn hình phạt tù.

Ví dụ1: tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2011/HSST ngày 22/04/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đối với bị cáo Nguyễn Quốc Huy sinh năm 1995, nơi đăng ký thường trú tại ấp Tân Đại, xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, bị xét xử về tội “Giết người” và “Cướp tài sản”. Vào ngày 03/11/2010 Huy lấy 2.800.000 đồng của gia đình lên ở Quận 8, Tp. HCM tiêu xài. Sau khi tiêu xài hết tiền Huy nảy ra ý định thuê xe Honda ôm chở đến nơi vắng tìm cách cướp tài sản, trên đường đi Huy ghé tiệm tạp hóa mua một cây kéo sắt (loại kéo làm tôm, cá) bỏ vào túi rồi đi tìm người chạy xe ôm. Khi đến cổng Đình Bình Đăng, thấy ông Trần Văn Trọn đang đậu xe chờ khách, Huy kêu ông Trọn chở về xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc. Trên đường đi do đường lầy lội nên cả hai xuống xe, Ông Trọn đẩy xe phía trước, Huy liền móc kéo từ túi quần ra, cầm tay phải đâm vào lưng và ngực ông Trọn, ông Trọn bỏ chạy và truy hô nên Huy bị bắt giao cho Công An. Tại bản giám định pháp y số 325 ngày 29/12/2010 của trung tâm giám định pháp y kết luận thương tích của ông Trọn là 6%.

Tòa án nhân dân tỉnh Long An tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc Huy phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản” áp dụng khoản 1 điểm g Điều 93; khoản 1 Điều 133, Điều 18, khoản 1 điểm b,p và khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Huy 03 năm tù về tội “Giết người” và 01 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Quốc Huy phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam.

Trong vụ án này tác giả nhận thấy, xuất phát từ việc muốn có tiền tiêu xài, bị cáo nảy sinh ý định chuẩn bị hung khí đi giết người nhằm cướp tài sản bán tài sản tiêu xài, việc người bị hại không chết và không lấy được tài sản là ngoài ý muốn của bị cáo. Khi xét xử Tòa án cũng đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên mức hình phạt chung cho 02 tội là 04 năm tù là hoàn toàn thích đáng, tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện.

Ví dụ 2: bản án hình sự sơ thẩm số 88/2011/HSST ngày 23/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và bản án hình sự phúc thẩm số 73/2012/HSPT ngày 27/03/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử bị cáo Phạm Văn Tân; sinh ngày 02/09/1995; trú tại ấp Tân Phước, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Hành vi phạm tội của bị cáo như sau: vào khoảng 20 giờ ngày 10/01/2011, Phạm Văn Tân đến nhà Phạm Văn Tú chơi, tại đây Tân gặp Tô thị Thảo Quyên sinh ngày 03/10/1995, Quyên là người chậm phát triển tâm thần, nghe và nói hạn chế. Đến khoảng 21 giờ cả hai ra về, Tân rủ Quyên vào khu chung cư Tân Phước, xã Tân Kim đi dạo. Trong lúc đi dạo thì Tân nảy sinh ý định quan hệ tình dục với Quyên nên Tân hỏi Quyên có đồng ý không thì Quyên gật đầu nên Tân cởi áo quần của Quyên và Tân ra rồi thực hiện hành vi quan hệ tình dục với Quyên nhưng không được nên Tân lấy ngón tay trở bàn tay phải của Tân đưa vào âm hộ của Quyên nhiều lần. Lúc đó Tân nhìn thấy có người đi qua nên cả hai mặc quần áo đi ra về, sự việc bị phát hiện nên gia đình Quyên đi báo Công An. Tại biên bản giám định pháp y tâm thần số 168/PYTT – PVPN ngày 10/03/2011 của Viện pháp y tâm thần trung ương kết luận Tô Thị Thảo Quyên bị bệnh chậm phát triển, tâm thần mức độ nhẹ, về pháp luật năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của Quyên bị hạn chế, dễ bị dụ dỗ và lợi dụng. Tại biên bản giám định pháp y số 04/PYHD ngày 19/01/2011 của Trung tâm pháp y thuộc sở y tế Long An kết luận: âm hộ của Quyên bình thường, tầng sinh môn xây sát từ vị trí 5 giờ đến 6 giờ. Nhiều vết bầm đỏ xung quanh chân màng trinh, màng trinh giãn rộng lọt 1 ngón tay.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Phạm Văn Tân tội “Hiếp dâm trẻ em” áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 68, 69, 74 Bộ luật hình

sự xử phạt bị cáo Phạm Văn Tân 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt.

Ngày 08/12/2011 Người đại diện hợp pháp cho bị hại là ông Tô Văn Thái và bà Trần Thị Kim Loan kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng Tô Thị Thảo Quyên là người chậm phát triển, tâm thần ở mức độ nhẹ, năng lực nhận thức và điều khiển hành vi bị hạn chế, để quan hệ sinh lý nhằm thỏa mãn tình dục. Việc Hội đồng xét xử sơ thẩm quá xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như: khi thực hiện tội phạm bị cáo chưa đủ 16 tuổi, gia đình thuộc diện hộ nghèo... mà tuyên xử bị cáo về tội “Hiếp dâm trẻ em” xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù (dưới mức khởi điểm của khung hình phạt 07 năm đến 15 năm) là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bố bị cáo Phạm Văn Tân tội “Hiếp dâm trẻ em” áp dụng khoản 1 Điều 112; các điểm b, g, p của khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69 và Điều 74 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo 02 năm tù là hoàn toàn thích đáng.

Nghiên cứu thực tiễn áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với NCTNPT ta thấy, Tòa án bao giờ cũng quyết định hình phạt dựa trên cơ sở xem xét nhiều khía cạnh như: nhân thân, hoàn cảnh của người phạm tội, nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội... Chính vì vậy, đối với NCTNPT phạm tội đóng vai trò đồng phạm, bị lôi kéo, dụ dỗ thực hiện hành vi phạm tội nhưng có mức độ nguy hiểm không cao... Tòa án thường áp dụng tù có thời hạn nhưng cho hưởng án treo nhằm tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục học tập, chứng tỏ sự ăn năn, hối cải muốn hoàn lương của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường, dưới sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, trường học nơi NCTN học tập, làm việc hoặc cư trú.

Bên cạnh đó, để tạo cho Tòa án xem xét cho người phạm tội nói chung và NCTNPT nói riêng được hưởng án treo, ngày 30/10/2000 Chính phủ ban hành Nghị định số 61/2000/NĐ-CP quy định việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo. Nghị định này đã quy định đầy đủ và chi tiết trách nhiệm cam kết của gia đình trong

quá trình thử thách của người phạm tội. Phù hợp với chính sách của Đảng, Nhà nước và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định “*đề cao hiệu quả phòng ngừa có tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ....*” luôn luôn quan tâm đến giáo dục cải tạo hơn là trừng trị đối với NCTNPT.

Ví dụ 3: bản án hình sự sơ thẩm số 94/2011/HSST ngày 23/11/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử bị cáo Phạm Văn Thừa; sinh ngày 01/ 02/1994; nơi đăng ký HKTT: thôn Tân An, thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: ấp 3, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, tp. Hồ Chí Minh. Hành vi của bị cáo như sau: Nguyễn Văn Em (Sn: 1985), Phan Quỳ (Sn: 1983), Lê Thành Phát (Sn: 1991), Nguyễn Văn Hiệp (Sn: 1989), Phan Hiếu (Sn: 1988) và Phan Văn Thừa đều là công nhân của Công ty THNN PNP Chemitech có 100% vốn nước ngoài đặt tại huyện Đức Hòa. Tối ngày 15/05/2011 Nguyễn Văn Em rủ Quỳ, Thừa, Phát, Hiếu, Hiệp vào Công ty trộm các bao tải chứa túi nhựa PE đem ra ngoài bán, chia nhau tiêu xài, tất cả đồng ý. Hiếu điều khiển xe biển số 52K -2516 chở Quỳ, Thừa điều khiển xe 52K9 -2271 chở Hiệp cùng đến công ty. Đến nơi, do Hiếu sợ bị bắt nên ở lại giữ xe, còn tất cả leo tường vào Công ty đi lấy trộm túi nhựa PE đem ra quảng qua tường rào Công ty, tổng cộng vác được 13 bao. Sau đó chở đi tiêu thụ thì bị lực lượng dân phòng tuần tra phát hiện bắt giữ. Túi nhựa PE còn mới 100% do Công ty nhập về để bao các thùng phuy chứa kem nước dùng pha chế sơn, Hội đồng định giá huyện Đức Hòa định giá 13 bao đựng túi nhựa PE có trọng lượng 325 kg, trị giá 13.975.000 đồng, hiện đã trả lại cho Công ty.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo nên cần xem xét vai trò của từng bị cáo để đưa ra hình phạt cho phù hợp với hành vi và hậu quả của từng bị cáo gây ra. Riêng đối với bị cáo Phan Văn Thừa là đồng phạm với vai trò giúp sức cùng với các bị cáo khác thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhằm có tiền chia nhau tiêu xài. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng mức hình phạt để giáo dục và phòng ngừa chung. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội biết ăn năn thật

thà khai báo, tài sản trộm được đã bị thu hồi, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị phạt tù từ 06 tháng đến 01 năm và mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội còn hạn chế. Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Phan Văn Thừa phạm tội “Trộm cắp tài sản” xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án 23/11/2011, giao bị cáo về cho UBND xã, phường nơi thường trú giám sát, giáo dục việc chấp hành án treo là đúng đắn, tương thích với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Ví dụ 4: bản án hình sự sơ thẩm số 64/2012/HSST ngày 17/05/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa và bản án hình sự phúc thẩm số 169/2012/HSPT ngày 21/08/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử bị cáo Nguyễn Thanh Nhã; sinh ngày 05/01/1995; nơi ĐKKHKT: số 179D, khu vực 4, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và bị cáo Đào Hoàng Trí (Tý); sinh ngày 21/02/1996; chỗ ở hiện tại: số 179D, khu vực 4, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Hành vi của các bị cáo như sau: Trần Thanh Nhân (sn: 1986) là công nhân Công ty JUMO tại khu công nghiệp Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Ngày 14/11/2011, Nhân kêu Nhã và Trí dùng dao dọa chém anh Nguyễn Văn Đức – quản đốc công ty để lấy tiền tiêu xài, Nhã và Trí đồng ý. Ngày 15/11/2011, Nhân điện thoại cho Nhã và Trí đi chém anh Đức, Nhã chở Trí điều khiển xe mô tô xong xong với xe anh Đức để Trí dùng dao chém vào lưng anh Đức 01 cái rồi bỏ chạy. Ngày 19/11/2011, Nhân tiếp tục kêu Nhã và Trí đi chém anh Đức, Trí điều khiển xe mô tô chở Nhã để Nhã chém 01 cái vào vai trái anh Đức rồi bỏ chạy. Ngày 21/11/2012, Nhân cho Nhã số điện thoại anh Đức để gọi hăm dọa yêu cầu đưa tiền. Sau đó, Nhã gọi anh Đức hăm dọa yêu cầu đưa 2.000.000 đồng hẹn đến quán cà phê Tây Thi để nhận tiền, khi đến nơi nhận tiền thì bị Công an bắt quả tang.

Tại bản án hình sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thanh Nhã và Đào Hoàng Trí phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” áp dụng Điểm a khoản 2 Điều 135; các điểm p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm m khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thanh Nhã 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi

hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 23/11/2011 đến ngày 21/01/2012, bị cáo Đào Hoàng Trí 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án. Ngày 28/05/2012, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa kháng nghị theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đào Hoàng Trí. Ngày 29/05/2012 bị cáo Trần Thanh Nhã và Đào Hoàng Trí kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và hưởng án treo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy các bị cáo có hành vi bàn bạc với nhau, dùng vũ lực tấn công, uy hiếp tinh thần của người bị hại để chiếm đoạt 02 triệu đồng của anh Đức. Hành vi của bị cáo Nhã và Trí là nguy hiểm cho xã hội, dùng vũ lực tấn công, uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt tài sản của người khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân. Trong vụ án, Nhân là người rủ rê, lôi kéo Nhã và Trí là người chưa thành niên và vạch kế hoạch, chỉ đạo thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt các bị cáo như vậy là đúng pháp luật, không oan và có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như: các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gây thiệt hại không lớn. Tuy nhiên, bị cáo Đào Hoàng Trí phạm tội khi mới 14 tuổi 08 tháng 24 ngày do bị bị cáo Nhân là người đã thành niên rủ rê, xúi giục cùng bị cáo Nhã phạm tội, sau khi phạm tội, bị cáo đã thật thà khai báo, bị cáo phạm tội trong độ tuổi từ 14 đến 16 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị lôi kéo rủ rê. Hơn nữa, bị cáo Trí là học sinh đang học lớp 10 Trường phổ thông Võ Văn Tần nên không cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo có thể sửa chữa sai lầm dưới sự giám sát và giáo dục của chính quyền địa phương, Đoàn thể và gia đình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cải sửa án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Đào Hoàng Trí 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án, giao bị cáo về cho UBND xã, phường nơi thường trú giám sát, giáo dục việc chấp hành án treo.

Qua phân tích các số liệu và ví dụ nêu trên cho thấy, hình phạt tù có thời hạn là hình phạt được Tòa án áp dụng nhiều nhất, chiếm đại đa số các vụ án xét xử đối

với NCTNPT. Lý giải cho việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn chiếm tỷ lệ cao đối với NCTNPT, các Thẩm phán trên địa bàn tỉnh Long An cho rằng, đó là do tính chất nghiêm trọng của vụ án. Bởi Tòa án cấp tỉnh có thẩm quyền thụ lý và xét xử các vụ án có tính chất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, đồng thời xét xử phúc thẩm các vụ án của huyện. Những tội mà các bị cáo là NCTNPT phạm phải đều là những tội có khung hình phạt cao. Theo số liệu trong Báo cáo tổng kết ngành Tòa án nhân dân tỉnh Long An từ năm 2011 đến năm 2015 thì các tội mà NCTN phạm phải nhiều nhất là “Trộm cắp tài sản”, “Cướp giật tài sản” và “Hiếp dâm trẻ em” với thủ đoạn và hành vi thể hiện sự liều lĩnh, táo bạo vì vậy mà án phạt tù là không thể tránh khỏi theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành và Tòa án không có sự lựa chọn nào khác vì có những hạn chế về pháp lý khi áp dụng các hình phạt khác.

2.2.3. Đánh giá khái quát việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội tại tỉnh Long An

Ưu điểm:

Qua quá trình tìm hiểu thực tiễn áp dụng hình phạt tù đối với NCTNPT tại tỉnh Long An từ năm 2011 đến năm 2015, tác giả nhận thấy Hội đồng xét xử đã áp dụng pháp luật đúng đắn trong công tác xét xử các vụ án liên quan đến NCTNPT, đa số Thẩm phán được phân công xét xử đều có đạo đức nghề nghiệp tốt, thực hiện nghiêm các bước tiến hành tố tụng, đều cố gắng hết mình trong việc trao đổi kiến thức về tâm sinh lý NCTN, đồng thời nghiên cứu kỹ các quy định pháp luật để có thể áp dụng đúng hình phạt, biện pháp tư pháp đối với NCTN như chính sách hình sự của Nhà nước đã quy định. Khi xét xử vụ án có bị cáo là NCTN, Hội đồng xét xử có chú ý đến những căn cứ cụ thể để quyết định hình phạt, cũng như nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, bảo đảm xét xử các bị cáo là NCTN được xét xử nghiêm chỉnh đúng pháp luật. Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử chỉ áp dụng tù có thời hạn đối với NCTNPT khi thấy các hình phạt khác không có hiệu quả răn đe, giáo dục với họ và những trường hợp mà NCTNPT đặc biệt nghiêm trọng, gây bất bình trong dư luận và cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mới đảm bảo yêu cầu phòng ngừa chung.

Qua khảo sát thực tiễn, mặc dù các Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Kiểm sát viên chưa được tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên sâu về kỹ năng, tâm lý học về giáo dục NCTN nhưng Chánh án và Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân các cấp đặc biệt quan tâm đến vấn đề NCTNPT, hầu hết những người được phân công tham gia tố tụng trong vụ án có NCTNPT đều là những cán bộ có kinh nghiệm, hiểu biết về tâm lý NCTN. Hội thẩm nhân dân tham gia phiên tòa có NCTNPT luôn là những người hiểu biết về tâm tư, nguyện vọng NCTN như Giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên..., góp phần không nhỏ trong việc đưa ra hình phạt thỏa đáng áp dụng đối với NCTNPT, đảm bảo quyền lợi mà pháp luật quy định đối với NCTNPT.

Ngoài ra, việc áp dụng hình phạt tù đối với NCTNPT tại tỉnh Long An cho thấy nhận thức của Hội đồng xét xử khi xét xử các vụ án liên quan đến NCTNPT đã phù hợp với chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta đối với NCTNPT là nhân đạo, khoan hồng, chú trọng đến vấn đề cải tạo, giáo dục và tạo điều kiện cho họ sửa chữa những sai lầm là chính, phù hợp với chủ trương của Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 “*đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ...*”.

Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên thì việc áp dụng hình phạt tù đối với NCTNPT tại tỉnh Long An cũng có những hạn chế nhất định như:

Trong một số trường hợp, khi áp dụng hình phạt tù đối với NCTNPT tại tỉnh Long An, Tòa án còn xem trọng mục đích trừng trị mà quên đi mục đích giáo dục, cải tạo NCTNPT. Theo đó, các Thẩm phán và Hội đồng xét xử còn quá coi trọng vai trò của hình phạt tù có thời hạn nên đôi lúc không nhận thức được vai trò và tác dụng của các hình phạt khác nhẹ hơn như cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ. Vì vậy, trong thực tiễn có một số trường hợp NCTNPT có đủ điều kiện để áp dụng các hình phạt khác thay cho hình phạt tù như hình phạt cải tạo không giam giữ

nhưng Thẩm phán và Hội thẩm vẫn không áp dụng mà áp dụng hình phạt tù với khung hình phạt nhẹ nhất hoặc áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Có thể nói con người là yếu tố quan trọng mang tính quyết định trong bất kỳ hoạt động nào nên việc thiếu biên chế cũng ảnh hưởng phần nào đến kết quả giải quyết vụ án, một Thẩm phán phải kiêm nhiệm, xử lý nhiều hồ sơ nên phần nào cũng gây ảnh hưởng đến chất lượng xét xử nói chung. Bên cạnh đó, đội ngũ làm công tác xét xử như Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chưa cao, chưa có nhiều kiến thức và kinh nghiệm liên quan đến NCTN, chưa có kỹ năng xét hỏi đối với NCTN nên dễ dẫn đến tình trạng đưa ra quyết định, bản án mang tính chất ý chí luận dẫn đến tình trạng tùy tiện chủ quan, không xem xét một cách toàn diện các yếu tố liên quan đến tội phạm do NCTN thực hiện. Riêng đối với Hội thẩm nhân dân, mặt dù pháp luật quy định khi tiến hành xét xử Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân ngang quyền, xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, thế nhưng thực tế yêu cầu đối với Hội thẩm nhân dân nhìn chung có phần dễ dàng hơn, chỉ cần có kiến thức pháp luật vừa đủ mà không được đào tạo qua các trường pháp lý, không được đào tạo kỹ năng và nghiệp vụ xét xử, chỉ được tào tạo qua một số buổi tập huấn nên có những hạn chế nhất định trong việc giải quyết vụ án. Mặt khác, Hội thẩm nhân dân xét xử những vụ án liên quan đến NCTNPT hầu hết là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên... hoặc những cán bộ không chuyên trách nên việc nắm vững và áp dụng các quy định của pháp luật khi xét xử NCTNPT cũng ít nhiều có phần hạn chế. Ngoài ra, hoạt động tại phiên Tòa của Hội thẩm nhân dân còn thụ động phụ thuộc nhiều vào Thẩm phán.

Bên cạnh đó, pháp luật về tố tụng hình sự quy định rằng, Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán phải có hiểu biết cần thiết về tâm lý trẻ em để tiến hành thủ tục pháp lý với những NCTN. Như vậy mới đảm bảo đúng, triệt để việc xác định khả năng nhận thức của NCTNPT về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện gây ra tội phạm. Nhưng thực tế cho thấy ở Việt Nam nói chung và tỉnh Long An nói riêng không có Kiểm sát viên hay Thẩm phán chuyên trách giải quyết các vụ việc liên quan đến NCTN, chưa có hiểu biết cần thiết

về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm do NCTN thực hiện. Đa số được tập huấn một, hai tuần về tư pháp NCTN hay tâm lý NCTN, mức độ của tập huấn chuyên sâu còn rất nhiều hạn chế.

Trong thời gian qua, lãnh đạo ngành Tòa án nhân dân tối cao chưa tổ chức tập huấn, đào tạo chuyên sâu cho các Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân về phương pháp, kỹ năng cũng như về trình tự thủ tục giải quyết vụ án liên quan đến NCTN như việc bố trí phòng xét xử riêng đối với NCTNPT, cử luật sư là người có hiểu biết về tâm lý NCTN... cũng như chưa có các buổi tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên đề về tâm lý học, giáo dục trẻ em, các biện pháp cần thiết để giúp đỡ các em tái hòa nhập cộng đồng...

Tuy nhiên, nguyên nhân quan trọng là xuất phát từ những quy định chưa hợp lý và mâu thuẫn ngay trong Bộ luật hình sự hiện hành:

Thứ nhất, Quá trình vận dụng Điều 74 BLHS hiện hành vào thực tiễn còn gặp nhiều vướng mắc khác. Nguyên nhân là do hạn chế về kỹ thuật lập pháp. Cụ thể là điều 74 quy định: “... nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình” hoặc “... không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định” hoặc “... không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định”. Bởi vì, điều luật quy định về tội phạm cụ thể có thể có một hoặc nhiều khung hình phạt trong khi đó Điều 74 chỉ dùng từ chung chung là “điều luật” mà không chỉ ra khung hình phạt bị áp dụng. Do đó, quy định chung như trên dễ gây hiểu nhầm và vận dụng không thống nhất.

Mặt khác, cách diễn đạt “mức hình phạt cao nhất không quá 18 năm tù” hoặc “không quá ba phần tư mức phạt tù”... của Điều 74 là còn chưa rõ nên có thể gây ra nhiều cách hiểu khác nhau. Cách hiểu thứ nhất, cách hiểu phổ biến hiện nay là Bộ luật Hình sự đã khống chế mức tối đa của khung hình phạt được phép áp dụng đối với NCTNPT trong sự so sánh với người đã thành niên phạm tội và BLHS đã không khống chế mức tối thiểu. Mức hình phạt cao nhất mà NCTN chấp hành phải thấp hơn mức hình phạt cao nhất áp dụng cho người đã thành niên. Cách hiểu thứ hai cho

rằng mặc dù Điều 74 quy định như trên nhưng thực chất điều luật này vẫn còn không chế mức hình phạt tối đa và mức tối thiểu quy định cho người đã thành niên.

Thứ hai, thực tiễn vận dụng Điều 75 BLHS 1999 cho thấy nảy sinh vấn đề cần giải quyết, đó là việc xác định tội nặng nhất. Thực tiễn xét xử đó xác định tội nặng nhất là tội có mức hình phạt tối đa của khung hình phạt cao nhất cao hơn. Trong trường hợp có mức hình phạt tối đa bằng nhau thì tội nặng hơn là tội có mức hình phạt khởi điểm khung hình phạt cao nhất cao hơn. Trong trường hợp có mức hình phạt tối đa bằng nhau thì tội nặng hơn là tội có mức hình phạt khởi điểm khung hình phạt cao nhất cao hơn. Cách xác định một lần nữa được khẳng định tại Thông tư số 01/1998 giữa Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Nội vụ ngày 02/01/1998. Tuy nhiên, có những trường hợp không thể xác định được tội nặng nhất nếu hình phạt tối đa của khung hình phạt cao nhất của hai tội ngang bằng nhau và cao nhất cũng ngang bằng nhau.

Thứ ba, nhiều chuyên gia pháp lý nhận xét, những chế tài pháp luật hình sự áp dụng đối với NCTNPT còn nặng về giam giữ. Cụ thể, trong số 06 chế tài áp dụng đối với NCTNPT thì chỉ có hai chế tài áp dụng đối với NCTNPT từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. Đó là đưa vào trường giáo dưỡng hoặc tù có thời hạn. Cả hai chế tài này điều tước tự do của người phạm tội. Đối với NCTNPT từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, mặc dù hai phần ba trong tổng số sáu chế tài luật quy định là chế tài không tước tự do gồm giáo dục tại xã phường, thị trấn và hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, thực tế việc áp dụng các chế tài này có nhiều hạn chế. Vì chính hiệu quả giáo dục, phục hồi thấp của những hình phạt không tước tự do là một trong những nguyên nhân khiến cho Tòa án ngần ngại và không muốn áp dụng những hình phạt này [26].

Thứ tư, chính sách hình sự của Việt Nam đối với NCTNPT nhấn mạnh đến nhu cầu thúc đẩy việc giáo dục và tái hòa nhập thay cho việc chỉ trừng phạt. Tuy nhiên, vẫn còn những quy định gây bất lợi cho NCTNPT, hiện nay, đối với nhiều loại tội, hình phạt tù có thời hạn là hình phạt duy nhất hiện có, không phải là biện pháp cuối cùng. Hình phạt chỉ liên quan đến tính chất của hành vi phạm tội mà

không tính đến hoàn cảnh của người phạm tội. Đồng thời, còn tồn tại các mâu thuẫn khó giải quyết trong chính sách xử lý hình sự các đối tượng phạm tội này với Công ước về Quyền trẻ em và các tiêu chuẩn quốc tế khác liên quan tới tư pháp NCTN. Đó là mâu thuẫn giữa sự giúp đỡ với trấn áp và trừng phạt; mâu thuẫn giữa việc xử lý theo nhận thức và lương tâm của người tiến hành tố tụng trong một vụ án cụ thể với xử lý theo nguyên tắc chung nhằm bảo vệ xã hội; mâu thuẫn giữa việc ngăn chặn chung với sự tước quyền cá nhân. Từ chính những mâu thuẫn này, dẫn tới việc các cơ quan tư pháp (cụ thể trong nghiên cứu này là các cơ quan tư pháp tại tỉnh Long An) áp dụng theo pháp luật trong xử lý hình sự NCTNPT và việc quyết định áp dụng hình phạt tù thực tế đã gây không ít bất lợi cho những đối tượng này.

Thứ năm, một số loại tội phạm mà NCTN phạm phải có tính chất rất nghiêm trọng và là vấn nạn của xã hội mà khi xử lý các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã được hướng dẫn là phải áp dụng các loại hình phạt nghiêm khắc. Ví dụ, Tòa án nhân dân Tối cao có hướng dẫn về việc xử lý các loại tội phạm về ma túy, các bị cáo không được hưởng án treo. Mặc dù mức thấp nhất của khung hình phạt quy định là dưới ba năm tù. Khoản 1 Điều 194 BLHS 1999 quy định: “Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”. Các bị cáo dù là NCTN, có các điều kiện để hưởng án treo theo quy định của Điều 60 BLHS nhưng phạm vào một trong những loại tội về ma túy thì vẫn bị áp dụng hình phạt tù. Vì vậy, có thể nói quyền tự quyết định của các cơ quan tư pháp lựa chọn biện pháp xử lý phù hợp nhất đối với NCTNPT là không có nhiều. Họ vẫn phải áp dụng quá cứng nhắc vào những quy định của luật.

Thứ sáu, trường hợp NCTN chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt BLHS cũng không có quy định cụ thể nên khi quyết định hình phạt trong trường hợp này, Tòa án phải áp dụng Điều 52 BLHS 1999 quy định về quyết định hình phạt trong giai đoạn phạm tội chưa đạt hoặc chuẩn bị phạm tội của người đã thành niên kết hợp với những quy định về hình phạt đối với NCTNPT tại Chương X BLHS 1999. Chính vì vậy, khi quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt còn nhiều cách áp dụng quy định của BLHS khác nhau.

Thứ bảy, quá trình thi hành án phạt tù chưa có những quy định đặt thù đối với NCTN chấp hành án, họ không được tạo điều kiện để hưởng nhưng quy chế riêng để có thể cải tạo tốt. Việc thi hành án phạt tù còn thiếu những quy định và hướng dẫn cụ thể của pháp luật. Trên thực tế vẫn chưa có trại giam riêng đối với NCTN, việc học văn hóa, học nghề... chưa có quy định và hướng dẫn cụ thể nên việc thực hiện chưa đem lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ và tạo điều kiện cho NCTNPT tái hòa nhập cộng đồng mới chỉ dừng lại ở tầm chủ trương chưa có chương trình, đề án thực hiện cụ thể nên việc thực hiện các chính sách tái hòa nhập cộng đồng cho các em còn gặp nhiều khó khăn.

Kết luận chương 2

Hình phạt tù có thời hạn trong luật hình sự Việt Nam tuy là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất nhưng không mang tính trả thù hay hành hạ người bị kết án mà nhằm giáo dục, cải tạo họ trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong thời gian chấp hành hình phạt nếu người bị kết án tiến bộ thì được xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, điều này đã thể hiện tính nhân đạo trong quy định của luật hình sự nước ta.

Có thể nói, việc quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với NCTNPT là trường hợp quyết định hình phạt đặc biệt. Tính chất đặc biệt thể hiện ở chỗ hình phạt áp dụng đối với NCTNPT được giảm nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội có các tình tiết tương đương, mức giảm nhẹ hình phạt phụ thuộc vào độ tuổi của NCTNPT và không phải tất cả các loại hình phạt được áp dụng cho người đã thành niên phạm tội đều có thể áp dụng đối với NCTNPT. Việc quyết định hình phạt đối với NCTNPT phải dựa trên nguyên tắc “Việc xử lý hành vi phạm tội của người chưa thành niên chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa nhưng sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.”

Mặc dù, Bộ luật hình sự quy định căn hạn chế áp dụng hình phạt tù đối với NCTNPT và cộng đồng quốc tế khuyến cáo chỉ áp dụng hình phạt tước tự do như biện pháp cuối cùng nhưng trên thực tế việc áp dụng hình phạt tù đối với NCTNPT vẫn còn rất cao.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI

3.1. Những điểm mới trong chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội được thể chế hóa trong Bộ luật hình sự 2015 so với Bộ luật hình sự 1999

Bộ luật hình sự hiện hành được Quốc hội khóa X thông qua ngày 21/12/1999 trên cơ sở kế thừa truyền thống của pháp luật hình sự Việt Nam, phát huy thành tựu của BLHS 1985 (đã được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1989, 1991, 1992 và 1997). Sau hơn 14 năm thi hành, BLHS 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã có những tác động tích cực đối với công tác phòng, chống tội phạm, bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo vệ tốt hơn quyền con người, quyền công dân. Tuy nhiên, kể từ sau khi BLHS 1999 được ban hành, tình hình tội phạm nhìn chung vẫn diễn biến hết sức phức tạp với những phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Số lượng tội phạm luôn có xu hướng gia tăng, nghiêm trọng hơn cả về quy mô và tính chất. Điều này đã làm cho BLHS hiện hành trở nên bất cập không đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Mặc dù, năm 2009, Quốc hội khóa XII đã sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS, nhưng do phạm vi sửa đổi chỉ giới hạn trong một số điều, nên chưa thể khắc phục được đầy đủ, toàn diện những bất cập của BLHS trong thực tiễn.

Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (viết tắt là BLHS 2015) được Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015, được Chủ tịch nước công bố vào ngày 18/12/2015. BLHS năm 2015 ra đời đánh dấu một bước tiến mới trong kỹ thuật lập pháp, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập cũng như phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước sau Hiến pháp năm 2013. Đồng thời, phát huy hơn nữa vai trò của BLHS với tư cách là công cụ pháp lý sắc bén, hữu hiệu trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Phạm vi sửa đổi, bổ sung BLHS lần này được xác định là cơ bản và toàn diện. Trên cơ sở phạm vi sửa đổi như vậy, BLHS 2015 có 26 chương và được thiết kế thành 03 phần trên cơ

sở kế thừa hai phần của BLHS 1999 và bổ sung thêm Phần thứ ba quy định về điều khoản thi hành. So với BLHS 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, BLHS 2015 đã thêm 82 điều, 1 phần điều khoản thi hành và 2 chương (đó là chương IV: Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự; chương XI: Những quy định đối với pháp nhân phạm tội); giữ nguyên 17 điều, bổ sung mới 49 điều, sửa đổi 362 điều và bãi bỏ 08 điều.

Bộ luật hình sự năm 2015 cũng quy định những điểm mới cơ bản về trách nhiệm hình sự đối với NCTNPT. Chính sách xử lý đối với NCTNPT được quy định tại một số điều của phần Chung và Chương XII của BLHS 2015. Những điểm sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến NCTNPT tập trung vào các nội dung như: tiếp tục hoàn thiện quy định về nguyên tắc xử lý đối với NCTNPT; hoàn thiện quy định về phạm vi trách nhiệm hình sự của người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi; hoàn thiện hệ thống chế tài đối với NCTNPT theo hướng tăng cường khả năng áp dụng các chế tài không tước tự do; bổ sung các chế định pháp lý về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, tổng hợp hình phạt, miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại; hoàn thiện quy định về xoá án tích đối với NCTN bị kết án theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các em tái hoà nhập cộng đồng.

Thứ nhất, BLHS 2015 đã thay đổi cụm từ “người chưa thành niên” trong BLHS 1999 thành người “dưới 18 tuổi”. Sửa đổi nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 69 BLHS 1999 “*Khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, thì tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 70 của Bộ luật này*”. Theo đó tại khoản 4, Điều 91 BLHS 2015 quy định: “*Khi xét xử, tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại Mục 3 Chương này không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa*”. Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên ở Việt Nam cũng như ở các nước trên thế giới cho thấy các chế tài giam giữ

tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất lợi cho quá trình phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng của NCTN. Tinh thần của Công ước Quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế có liên quan về tư pháp NCTN cũng khuyến nghị các quốc gia thành viên hạn chế đến mức thấp nhất việc áp dụng các chế tài giam giữ đối với NCTNPT... Như vậy, trong việc áp dụng chế tài đối với NCTN là ưu tiên áp dụng các biện pháp ngoài tù, các biện pháp không giam giữ và hình phạt tù chỉ được áp dụng khi không còn cách nào khác. Trong khi đó, cách tiếp cận quy định tại khoản 4 Điều 69 BLHS 1999 được hiểu là Toà án cân nhắc áp dụng hình phạt trước tiên, chỉ trong trường hợp không cần thiết mới áp dụng biện pháp tư pháp - với tính chất là những biện pháp thay thế hình phạt, nhân đạo hơn đối với người bị kết án. Hơn nữa, việc sửa đổi, bổ sung những quy định trên có ý nghĩa thiết thực trong việc định hướng cho Thẩm phán khi cân nhắc, lựa chọn giữa các chế tài có thể áp dụng đối với NCTN để ưu tiên áp dụng các biện pháp tư pháp và chế tài không tước tự do. Hình phạt tù có thời hạn chỉ được áp dụng trong trường hợp nhận thấy việc áp dụng các hình phạt không tước tự do là hoàn toàn không thích hợp, không vì lợi ích tốt nhất của NCTN.

Thứ hai, BLHS 2015 sửa đổi quy định về miễn trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 69 BLHS 1999 “*người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự, nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình, cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục*” có thể nói đây là quy định định hướng cho việc xử lý chuyển hướng, là cơ sở pháp lý quan trọng để các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét giao NCTNPT cho gia đình, tổ chức tại cộng đồng thực hiện việc giám sát, giáo dục mà không cần tiếp tục xử lý hình sự. Tuy nhiên, chế định này cũng bộc lộ nhiều bất cập như: thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục cũng như vai trò của cơ quan, tổ chức, cá nhân tại cộng đồng, hơn nữa, trên thực tế việc miễn trách nhiệm hình sự đồng nghĩa với việc trả tự do vô điều kiện mà không áp dụng bất kỳ các biện pháp giáo dục, phòng ngừa nào, điều này dẫn đến một thực tế là NCTN có thể tiếp tục tái phạm. Đây cũng chính là những lý do hạn chế việc áp dụng chế định này trong thực tiễn. Để khắc phục những bất cập nêu trên, BLHS

2015 quy định “ *Người dưới 18 tuổi phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 Bộ luật này, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng các biện pháp quy định tại mục B chương này*” (Khoản 2 Điều 91 BLHS 2015).

Thứ ba, tại khoản 2 Điều 12 BLHS 1999 quy định “*người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*”. Tuy nhiên, thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm cho thấy, quy định như hiện nay thì diện các tội phạm mà trẻ em phải chịu trách nhiệm hình sự là khá rộng và quan trọng là không rõ ràng, minh bạch, bản thân các em lại không nhận thức được một cách đầy đủ về tính chất, mức độ nguy hiểm của loại tội phạm mà mình đã thực hiện nên việc xử lý hình sự đối với các em trong những trường hợp này có phần quá nghiêm khắc và ít có tác dụng giáo dục phòng ngừa. BLHS 2015 sửa đổi theo hướng xác định rõ hơn trách nhiệm hình sự người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, nhằm tăng cường tính minh bạch của BLHS, qua đó nâng cao hiệu quả việc phòng ngừa tội phạm đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, cụ thể:

- Tại khoản 2, Điều 12 BLHS 2015 quy định “*người từ đủ 14 trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản và tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng...*” (bao gồm 22 tội được liệt kê cụ thể tại khoản 2 Điều 12 BLHS năm 2015).

- Về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, khoản 1 Điều 91 BLHS 2015 quy định: “*Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ*

về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm”

Thứ tư, BLHS 2015 đã bổ sung thêm 02 biện pháp có tính chất giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội khi họ thực hiện tội phạm mà cơ quan có thẩm quyền xét thấy không cần thiết phải áp dụng trách nhiệm hình sự đối với họ gồm: khiển trách (Điều 93 BLHS 2015), hòa giải tại cộng đồng (Điều 94 BLHS 2015), ngoài các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (Điều 95 BLHS 2015) và đưa vào giáo dục tại trường giáo dưỡng (Điều 96 BLHS 2015) như BLH 1999. Như vậy, theo tinh thần của BLHS 2015, Tòa án cần hạn chế đến mức thấp nhất việc áp dụng hình phạt tù đối NCTNPT như hiện nay, tăng cường áp dụng các biện pháp tư pháp nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Thứ năm, BLHS 1999 chưa có quy định đặc thù về vấn đề quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt đối với NCTN, do đó dẫn đến sự không thống nhất trong quá trình áp dụng. Để giải quyết vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, BLHS 2015 bổ sung Điều 102. Theo đó:

- Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội: *“mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần ba mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng; mức hình phạt cao nhất đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần hai mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng”* (khoản 2 Điều 102).

- Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt: Bộ luật quy định *“mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần ba mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 99, 100 và 101 của Bộ luật này”* và *“mức hình phạt cao nhất áp dụng*

đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không quá 1/2 mức phạt cao nhất quy định tại Điều 99, 100 và 101 của Bộ luật” (khoản 3 Điều 102).

Thứ sáu, BLHS 1999 chỉ mới quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (Điều 75) mà chưa có quy định về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án áp dụng đối với NCTN; khái niệm “tội nặng nhất” quy định tại Điều 75 rất khó xác định trên thực tế, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình tổng hợp hình phạt. Vì vậy, BLHS 2015 đã bổ sung thêm

điều mới về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án và hoàn thiện thêm một bước quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (Điều 103 và Điều 104).

Thứ bảy, BLHS 2015 bổ sung chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện (Điều 106). Đây là biện pháp trả tự do sớm có điều kiện áp dụng đối với người đang chấp hành hình phạt tù để họ được cải tạo, sửa chữa lỗi lầm với sự giúp đỡ và giám sát của gia đình, các cơ quan, đoàn thể xã hội; sau khi được trả tự do, người đó phải tuân thủ một số điều kiện nhất định do cơ quan có thẩm quyền xác định trong một thời gian nhất định. Đối với NCTN thì chế định này không chỉ góp phần đạt được mục tiêu của việc xử lý NCTNPT là giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, mà còn thực sự vì lợi ích tốt nhất của NCTN, phù hợp với nguyên tắc chỉ áp dụng hình phạt giam giữ đối với NCTNPT như biện pháp sau cùng, trong thời gian thích hợp ngắn nhất theo yêu cầu của Công ước về Quyền trẻ em.

Thứ tám, chế định xóa án tích đối với NCTN hiện nay cũng phân chia thành hai loại như đối với người đã thành niên, bao gồm trường hợp đương nhiên được xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án. So với người đã thành niên phạm tội thì NCTNPT chỉ có một điểm khác là thời hạn đương nhiên xóa án tích thấp hơn so với người đã thành niên. Để tạo điều kiện thuận lợi cho NCTN tái hòa nhập cộng đồng, cùng với việc thay đổi chính sách về xóa án tích nói chung, BLHS 2015 bổ sung quy định về xóa án tích đối với NCTN theo hướng quy định rõ NCTN bị kết án về tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc tội rất nghiêm trọng do vô ý thì không bị coi là có án tích. Chỉ NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về

tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mới bị coi là có án tích và được đương nhiên xóa án tích nếu trong thời hạn 03 năm tính từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà người đó không phạm tội mới theo bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật (Điều 107 BLHS 2015).

3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn tỉnh Long An

3.2.1. Giải thích, hướng dẫn, tập huấn các quy định mới của Bộ luật hình sự 2015 về Chương những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Bộ luật hình sự năm 2015 số 100/2015/QH13 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015. Việc ban hành BLHS 2015 có ý nghĩa rất quan trọng nhằm thể chế hóa chủ trương cải cách tư pháp của Đảng, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, đặc biệt là tạo ra cơ chế hữu hiệu để bảo vệ quyền con người, quyền công dân, góp phần bảo vệ trật tự, an toàn xã hội...thúc đẩy kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và tăng cường hội nhập quốc tế.

Việc xây dựng Bộ luật được tiến hành dựa trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành BLHS, kế thừa và phát triển các quy định còn phù hợp của BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); bổ sung những quy định mới để giải quyết những vướng mắc, bất cập đang đặt ra trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời hoàn thiện kỹ thuật lập pháp hình sự nhằm bảo đảm tính thống nhất nội tại của BLHS và tính thống nhất của hệ thống pháp luật; nâng cao tính minh bạch, khả thi và tính dự báo của BLHS.

Tuy BLHS 2015 có những điểm rõ ràng hơn, dễ áp dụng hơn so với BLHS 1999 nhưng theo các chuyên gia, BLHS 2015 cũng có nảy sinh một số vấn đề khó khăn khi áp dụng, nếu không có giải thích, hướng dẫn cụ thể, các vấn đề đó là:

Khoản 1 Điều 12 của BLHS 2015 đã quy định “*Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác*”. Việc bổ sung như vậy, đã giải quyết được sự mâu thuẫn giữa

quy định tại phần chung và phần các tội phạm cụ thể trong cùng một Bộ luật. Quy định tại khoản 2 Điều 12 của BLHS 2015 thì TNHS mà người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu đã giảm 19,3% so với BLHS 1999. Đây cũng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, với nguyên tắc chủ yếu là nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Bởi lẽ, NCTN là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất cũng như về tinh thần, bị hạn chế về nhận thức cũng như kinh nghiệm và kỹ năng sống, dễ bị kích động, lôi kéo vào các hoạt động đem lại cảm giác mạnh, phiêu lưu, mạo hiểm. Chính vì vậy, bảo vệ NCTN là trách nhiệm của Nhà nước và toàn xã hội. Tuy nhiên, quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS và khoản 2 Điều 91 BLTTHS 2015 về *“Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội”* có những điểm chưa rõ ràng, khó hiểu, sẽ dẫn đến có những cách hiểu và vận dụng khác nhau trong thực tiễn, cụ thể như sau:

Một là, về quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS 2015. Quy định như tại đoạn 1 của khoản 2 Điều 12 BLHS 2015, có lẽ là do nhà làm luật đề cao nhóm khách thể bị xâm phạm là sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của con người cần phải được bảo vệ triệt để, nên người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi có hành vi phạm vào các tội nêu trên là truy cứu TNHS chứ không cần phải thuộc và trường hợp rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. Theo các tội danh nêu trong đoạn 1 khoản 2 Điều 12 BLHS 2015 thì: tại Điều 134 tội *“Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”* Khoản 1 có khung hình phạt từ 06 tháng đến ba năm; khoản 2 có khung hình phạt từ 02 năm đến 05 năm, khoản 3 có khung hình phạt từ 04 năm đến 07 năm... Sau đó, đoạn 2 khoản 2 Điều 12 BLHS 2015 mới có quy định *“về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định một trong các điều sau đây”*. Quy định như vậy, phải chăng chỉ khi người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi có hành vi phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng thuộc 22 điều luật đã liệt kê thì mới phải chịu TNHS, quy định như vậy có mâu thuẫn với đoạn 1 của khoản 2 Điều 12 không ?

Hai là, về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi. Tại khoản 2 Điều 91 BLHS 2015, theo chúng tôi hiểu: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả thì có thể được miễn TNHS và được chuyển sang áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục, trừ các trường hợp quy định tại các Điều 134, 141, 171, 248, 249, 250, 251, 252 BLHS 2015. Còn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 BLHS 2015 thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả thì có thể được miễn TNHS và được chuyển sang áp dụng các biện pháp giám sát, trừ các quy định tại các Điều 123; khoản 4,5,6 Điều 134; Điều 41; 142; 144; 150; 151; 168; 171; 248; 249; 250; 251; 252 BLHS 2015. Chúng tôi nhận thấy rằng, những quy định trên dễ dẫn đến việc áp dụng tùy tiện, không đúng, cụ thể như sau:

- Đối với người từ đủ 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 BLHS 2015 thì phạm vi áp dụng chế định “Miễn TNHS” là rất rộng chỉ trừ những trường hợp quy định tại 08 điều luật. Còn lại khoản 128 điều luật thỏa mãn yếu tố chủ thể, có quy định những trường hợp ít nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì điều có thể áp dụng chế định “Miễn TNHS” được. Như vậy, nếu không có những hướng dẫn chặt chẽ, sẽ dẫn đến việc vận dụng chế định “Miễn TNHS” tùy tiện, không thống nhất. Ngược lại, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 BLHS 2015 cũng có phần chưa rõ là: Nếu người từ đủ 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi phạm tội thuộc trường hợp quy định tại các khoản 1,2,3 Điều 134 và khoản 1 tại Điều 141, 171, 248, 249, 250, 251 điều có khung hình phạt cao nhất đến 07 năm tù thuộc trường hợp nghiêm trọng mà thỏa mãn yêu cầu là “có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả” thì có được “miễn TNHS hay không”?

- Việc hiểu và áp dụng quy tắc tại điểm b khoản 2 Điều 91 BLHS 2015. Nếu hiểu và áp dụng theo hướng người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại khoản 2 Điều 12 của BLHS 2015 mà có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự động khắc phục phần lớn hậu quả thì có thể được miễn TNHS, trừ trường hợp quy định tại các Điều 123; khoản 4,5,6 Điều 134; Điều 141; 142;

144; 150; 151; 168; 171; 248; 249; 250; 251; 252 thì cũng chưa hợp lý và dễ dẫn đến việc áp dụng tùy tiện, không thống nhất, bởi lẽ:

+ Người phạm tội trong độ tuổi từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Song việc quy định “tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả” là không phù hợp. Bởi lẽ, đa phần người ở độ tuổi này điều sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng nên không thể tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả. Việc khắc phục hậu quả (nếu có) là do gia đình họ khắc phục thì có được áp dụng tình tiết “tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả” để vận dụng miễn TNHS hay không ?

+ Cũng theo quy định như trên, phải chăng người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội thuộc các trường hợp quy định tại các Điều 123; khoản 4,5,6 Điều 134; Điều 141;142;144;150;151;168;171;248;249;250;251;252 BLHS 2015, thì cho dù không thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khắc phục phần lớn hậu quả thì cũng không được vận dụng để có thể được miễn TNHS? Nếu đúng như vậy thì trái với nội hàm của nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi. [38]

Bên cạnh đó, chế định xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi (từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi) có một số bất cập khi áp dụng vào thực tiễn như sau:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 70 BLHS 2015, về đương nhiên được xóa án tích:

“2. Người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) 01 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo;

b) 02 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;

c) 03 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;”

Đây là quy định chung về thời hạn xóa án tích, thường được hiểu là quy định đối với người thành niên phạm tội. Theo quy định tại khoản b, c điều này thì người

thành niên từ khi chấp hành xong hình phạt chính (đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án) đương nhiên được xóa án tích sau 02 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm và 03 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 05 năm đến 15 năm bất kể người đó bị xét xử về theo khoản nào của tội danh, có thể là loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng (được xử dưới khung hình phạt).

Nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 107 BLHS 2015, quy định về xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi, từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi bị kết án thì:

“2. Người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thì đương nhiên xóa án tích nếu trong thời hạn 03 năm tính từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới.”

Theo quy định Điều khoản này, thời hạn để NCTN từ khi chấp hành xong hình phạt chính, đương nhiên được xóa án tích là 03 năm đối với tội phạm rất nghiêm trọng (mức cao nhất của khung hình phạt từ trên 07 năm đến 15 năm tù) hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng (trên 15 năm đến 18 năm tù). Nghĩa là thời hạn để tính xóa án tích đối với NCTN trong các trường hợp này được căn cứ theo mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt đó, kể cả trường hợp người đó được Tòa án xử mức án phạt tù dưới khung.

Nếu áp dụng Điều 107 BLHS 2015 để tính thời hạn xóa án tích cho NCTNPT thì có thể xảy ra trường hợp: NCTN và người thành niên có mức án phạt tù bằng nhau, thậm chí NCTN có mức án phạt tù thấp hơn so với người thành niên nhưng thời hạn xóa án tích so với người thành niên bất lợi hơn. Như vậy không đảm bảo đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta trong việc xử lý hình sự đối với NCTN nhẹ hơn so với người thành niên [13].

Để việc hiểu và áp dụng một cách thống nhất, tránh áp dụng tùy tiện, tác giả mong rằng Tòa án nhân dân tối cao có những hướng dẫn cụ thể để việc thi hành BLHS 2015 được thống nhất. Bên cạnh đó, cũng cần có những đợt tập huấn chuyên đề về BHHS 2015 và một số nội dung liên quan đến công tác giải quyết án, cũng

như hướng dẫn, giải đáp, trao đổi những vướng mắc, khó khăn và bất cập trong quá trình giải quyết, xét xử nhằm trang bị cho các cán bộ tham gia hoạt động tư pháp cụ thể như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên... kiến thức, kinh nghiệm trong thực tiễn công tác xét xử, giải quyết các loại án liên quan đến NCTNPT để họ hiểu và nắm vững hơn các quy định của pháp luật, tiếp tục phát huy chức năng, nhiệm vụ của mình.

3.2.2. Kiện toàn nâng cao năng lực đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và cán bộ tiến hành tố tụng

Bên cạnh việc hoàn thiện các quy định của BLHS 1999 để nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt đối với NCTNPT nói chung và hình phạt tù đối với NCTNPT nói riêng trong BLHS 2015, chúng ta còn phải đồng thời kết hợp với các giải pháp khác để nâng cao năng lực đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và cán bộ tiến hành tố tụng vì vấn đề này cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc quyết định trách nhiệm hình sự đối với NCTNPT.

Thứ nhất, xây dựng đội ngũ cán bộ Thẩm phán trong sạch, vững mạnh đáp ứng được yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp trong tình hình mới. Có thể nói, quyết định hình phạt là một khâu quan trọng trong hoạt động xét xử, việc quyết định một hình phạt phù hợp, đúng pháp luật, đảm bảo công bằng và hợp tình hợp lý phụ thuộc rất nhiều vào Hội đồng xét xử mà cụ thể là Thẩm phán. Vậy làm thế nào để có được một đội ngũ cán bộ Thẩm phán giỏi? Trước hết, Tòa án cần đặc biệt quan tâm, chú trọng đến khâu tuyển dụng cán bộ vì đây là khâu quan trọng nhất, bắt đầu từ đây một đội ngũ cán bộ sẽ trở thành Thẩm phán vì vậy để tuyển chọn được những cán bộ có năng lực, có tâm với nghề thì trước hết từ khâu thi tuyển phải đảm bảo được sự nghiêm túc, không tiêu cực.

Đối với đội ngũ cán bộ hiện tại, để đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới hiện nay, đòi hỏi phải không ngừng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, trách nhiệm nghề nghiệp cho các Thẩm phán bằng cách thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu, giao lưu trao đổi học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau. Kịp thời phổ biến, quán triệt đến những người tố tụng các văn bản của Nhà

nước, nghị quyết của Đảng liên quan đến đường lối đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung, đối với NCTN nói riêng. Qua đó, giúp nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết của Thẩm phán, bởi việc quyết định hình phạt có chính xác, đúng luật hay không phụ thuộc rất nhiều vào năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, ý thức pháp luật của Thẩm phán. Điều nay, hiện nay đang được lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh Long An rất quan tâm, định kỳ mỗi năm điều đều tổ chức tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu, tổ chức các hội thảo chuyên đề... để bổ sung kiến thức, cập nhật quy định mới, phân tích các vụ án mà Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật sai để rút kinh nghiệm chung.

Thêm vào đó, xuất phát từ thực tiễn xét xử và thực tiễn hoạt động tiến hành tố tụng chúng ta thấy rằng, chúng ta chưa có một đội ngũ Thẩm phán chuyên về xét xử các vụ án NCTN như ở một số nước trên thế giới. Vì vậy, đối với đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân làm công tác tố tụng hiện tại cần tổ chức tập huấn, đào tạo chuyên sâu cho họ về phương pháp, kỹ năng, tâm lý học đối với NCTNPT ... để ngoài việc vận dụng đúng các quy định pháp luật, sử dụng linh hoạt nghiệp vụ, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân cần phải là người có kiến thức sâu sắc về tâm lý, đặc biệt là tâm lý thân thiện với NCTN, lời nói và biện pháp được sử dụng, môi trường và các điều kiện vật chất để tiến hành xử lý đối với NCTNPT luôn luôn gắn với tính từ "thân thiện".

Cần phải có chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức tâm lý về đối tượng dưới 18 tuổi cho những người tiến hành tố tụng nhất là Thẩm phán để nâng cao hiệu quả cho quá trình tiến hành tố tụng, chương trình bao gồm một số nội dung chủ yếu như sau: những đặc điểm tâm lý cơ bản về lứa tuổi 14 – 18; những yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến quá trình hồi cung bị can; kỹ năng xét xử của thẩm phán với đối tượng phạm tội là người dưới 18 tuổi. Những người đại diện cho cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết những vụ án do người dưới 18 tuổi phạm tội thì phải được đào tạo bồi dưỡng khóa học này mới được coi là đủ điều kiện tham gia tiến hành tố tụng... [14]. Từ đó, xây dựng một đội ngũ cán bộ làm công tác xét xử chuyên trách đối với

loại án này nhằm hạn chế tối thiểu các vi phạm đáng tiếc xảy ra trong quá trình tiến hành tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NCTNPT.

Thứ hai, việc áp dụng pháp luật đối với NCTNPT của cơ quan tiến hành tố tụng có đúng hay không, một phần là nhờ vào vai trò của các Hội thẩm nhân dân. Theo đó, Hội thẩm có vai trò, vị trí quan trọng trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án. Sự tham gia của Hội thẩm vào công tác xét xử nhằm bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong hoạt động xét xử của Tòa án, đưa tiếng nói xã hội vào quá trình xét xử, giúp cho việc xét xử các vụ án chính xác, khách quan. Để có được những bản án nghiêm minh, không thể không nhắc tới vai trò quan trọng của người Hội thẩm, họ như là trợ thủ đắc lực của Chủ tọa phiên toà. Tuy nhiên, thực tiễn công tác xét xử của các Tòa án hiện nay cho thấy không ít Hội thẩm chưa phát huy hết khả năng, trách nhiệm của mình. Theo quy định, người được bầu làm Hội thẩm chỉ cần có kiến thức pháp luật mà không quy định tiêu chuẩn tối thiểu. Vì vậy, không ít Hội thẩm kiến thức pháp luật hạn chế nhưng lại cùng tham gia xét xử với những Thẩm phán có trình độ, được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về kiến thức pháp luật và kỹ năng xét xử nên không tránh khỏi việc các Hội thẩm mang tâm lý “ngồi cho có, cho đủ” mặc dù pháp luật quy định và đòi hỏi khi xét xử, Hội thẩm và Thẩm phán độc lập, chỉ tuân theo pháp luật (Điều 3, Điều 4 Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân). Do đó, trong quá trình xem xét cử hoặc bầu Hội thẩm, vấn đề năng lực và trình độ chuyên môn của Hội thẩm cũng cần hết sức quan tâm. Vì vậy, về lâu dài đối tượng này cũng cần được lựa chọn và đào tạo một cách cơ bản, đủ về số lượng và chất lượng, có phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết.

Thứ ba, đối với cơ quan kiểm sát với chức năng thực hiện quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đảm bảo việc điều tra truy tố, xét xử khách quan, toàn diện và đầy đủ. Viện kiểm sát đã góp phần bảo vệ pháp chế trong hoạt động tư pháp. Qua đó đạt được yêu cầu mà Đảng và Nhà nước ta đặt ra đối với việc xử lý NCTNPT, giúp họ trở thành công dân có ích cho xã hội. Vì vậy Viện kiểm sát ở các cấp cần chú trọng kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án có bị cáo là NCTN. Hoạt

động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm đảm bảo không bỏ lọt tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, không làm oan người vô tội, kiến nghị và xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm của những người tiến hành tố tụng. Nâng cao vai trò của kiểm sát viên tại tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Bên cạnh đó, Viện kiểm sát cũng cần tăng cường kiểm tra giám sát hoạt động thi hành án phạt tù đối với NCTNPT để xem xét họ có được giam giữ riêng, được học văn hóa, học nghề... Để từ đó có những chấn chỉnh nhằm hoàn thiện hơn công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với bị cáo là NCTN.

Thứ tư, đối với cơ quan công an trước hết cần tăng cường công tác nắm tình hình có liên quan đến đấu tranh phòng chống tội phạm do NCTN gây ra, đánh giá đúng thực trạng, phân tích rõ nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm để có những giải pháp cho phù hợp. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về trật tự xã hội, công tác quản lý, giáo dục NCTN có tiền án, tiền sự, hoặc có biểu hiện vi phạm pháp luật đồng thời tổ chức phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, huy động toàn dân tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm do NCTN thực hiện nói riêng.

Thứ năm, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong việc xác định và xử lý đối với NCTNPT. Đối với từng vụ án cụ thể, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải chủ động phối hợp với nhau, thống nhất phương án xử lý đối với từng bị can, bị cáo là NCTN trên cơ sở tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập trong các quy định của pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật đối với NCTNPT. Bên cạnh đó cần thường xuyên tổng kết rút kinh nghiệm, tổ chức đánh giá hiệu quả của việc áp dụng các biện pháp xử lý đối với NCTNPT để trong quá trình xét xử Tòa án cân nhắc loại và mức hình phạt cụ thể nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong giáo dục, cải tạo NCTNPT.

Thứ sáu, hiện nay đời sống của đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và cán bộ tiến hành tố tụng chưa được quan tâm đúng mức, tiền lương không đảm bảo

đời sống gia đình, từ đó dễ nảy sinh tiêu cực. Do đó, Nhà nước cần phải có thể độ chính sách phù hợp để họ có thể yên tâm thực hiện nhiệm vụ của mình với tinh thần “phụng công thủ pháp, chí công vô tư”. Bên cạnh đó, cần có chế độ khen thưởng thỏa đáng nhằm động viên những người có thành tích xuất sắc trong công tác, đồng thời cũng có biện pháp xử lý nghiêm minh đối với cán bộ thoái hóa, biến chất.

3.3. Các giải pháp khác để nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội

Bên cạnh việc kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và cán bộ tiến hành tố tụng nêu trên thì tác giả đề nghị một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của NCTN như sau:

Một là, tuyên truyền, vận động xây dựng gia đình văn hóa. Gia đình phải quan tâm, giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa cho các em ngay từ khi còn nhỏ. Bởi giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa là giáo dục cách làm người, cách đối nhân xử thế, giáo dục cách sống tốt đẹp, đúng chuẩn mực. Khi người chưa thành niên biết sống phù hợp với các chuẩn mực đạo đức xã hội thì sẽ hạn chế được nguy cơ phạm tội.

Hai là, nâng cao vai trò, trách nhiệm của nhà trường trong công tác phòng ngừa NCTNPT. Nhà trường đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục trẻ em, do vậy song song với việc giáo dục kiến thức thì các nhà trường cũng chú trọng đến việc giáo dục đạo đức, lối sống tuân thủ pháp luật. Nhà trường cần tổ chức các biện pháp quản lý khoa học, chặt chẽ đối với học sinh. Làm tốt công tác này sẽ tạo điều kiện cho các em chấp hành kỷ luật với ý thức từ thấp đến cao, tạo thành ý thức tự giác cho các em ngay từ khi còn nhỏ, giúp các em hình thành thói quen, chấp hành nghiêm nội quy của nhà trường, từ đó chấp hành nghiêm quy định của pháp luật. Ngoài ra, nhà trường và phải có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa nhà trường với gia đình trong việc trao đổi thông tin để cùng quản lý giáo dục các em phát triển toàn diện.

Ba là, Nhà nước tăng cường quản lý chặt chẽ các lĩnh vực nhạy cảm như văn hóa, công nghệ thông tin (Internet)... Có chính sách ưu tiên dạy nghề, tạo công ăn

việc làm cho những NCTN lang thang, không gia đình để khi bước vào đời họ có một nghề tự nuôi sống bản thân. Nhà nước cần đầu tư thêm nhiều khu vui chơi cho cộng đồng trong đó có NCTN như công viên, các câu lạc bộ...

Bên cạnh những giải pháp nêu trên, tác giả cũng đề xuất thêm một số giải pháp, kiến nghị sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục đối với NCTN về kiến thức pháp luật ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, cần đưa chương trình pháp luật vào lồng ghép trong các bộ môn giáo dục công dân của bậc Trung học cơ sở và Trung học phổ thông để các em hiểu và nhận thức đúng hành vi nào là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội được coi là tội phạm và các biện pháp chế tài mà các em phải gánh chịu khi thực hiện các hành vi đó nhằm góp phần giảm bớt số lượng NCTNPT như hiện nay.

Thứ hai, tổ chức lập Tòa án vị thành niên là Tòa chuyên trách nằm trong hệ thống Tòa hiện hành. Khi Tòa án vị thành niên được lập thì những vụ án do NCTN thực hiện sẽ được xét xử kín để đảm bảo không gây ảnh hưởng đến cuộc sống sau khi chấp hành xong hình phạt của họ, môi trường xét xử thân thiện, gần gũi với NCTN tham dự phiên tòa. Và để thành lập được Tòa án vị thành niên, cần phải đào tạo cho cán bộ tiến hành tố tụng hiểu biết về tâm lý của trẻ vị thành niên; thường xuyên đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân... để họ hiểu sâu về vấn đề này.

Thứ ba, Việt Nam cần tăng cường các biện pháp xử lý chuyển hướng trong hệ thống xử lý hình sự và mở rộng việc áp dụng các chế tài không giam giữ mang tính phục hồi. Điều 69 BLHS 1999 trao quyền cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc miễn trách nhiệm hình sự cho NCTN và giao cho gia đình hoặc tổ chức giám sát. Những quy định này đã tạo ra một cơ hội lý tưởng để thúc đẩy xử lý chuyển hướng NCTNPT từ hệ thống tư pháp hình sự chính thức ra một hệ thống xử lý ít chính thức hơn. Tuy nhiên, do thiếu những hướng dẫn rõ ràng và quy trình áp dụng nên các quy định này ít khi được áp dụng trên thực tế. Vì vậy, nhằm tăng cường khả năng áp dụng những quy định này, cần có những sửa đổi để quy định rõ

ràng hơn việc sử dụng quyền tự quyết và đảm bảo rằng những quy định này được áp dụng trên cơ sở tôn trọng đầy đủ quyền của NCTNPT.

Thứ tư, thực hiện chế độ giam giữ phạm nhân là NCTN tại khu giao giữ riêng biệt chứ không giam giữ chung như hiện nay. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức... cho cán bộ làm công tác thi hành án nhất là cán bộ quản giáo NCTNPT.

Thứ năm, bên cạnh việc thống kê các loại hình phạt cũng như biện pháp tư pháp áp dụng đối với NCTNPT thì cần tổ chức đánh giá hiệu quả của việc áp dụng các biện pháp đó, tỷ lệ tái phạm sau khi chấp hành án phạt tù của NCTN như thế nào? Trong quá trình xét xử Tòa án cần xem xét các yếu tố thuộc về nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của NCTN vì đó là một trong những nội dung liên quan đến tính hiệu quả cũng như việc Tòa án quyết định lựa chọn loại hình phạt, mức hình phạt cụ thể để giáo dục, cải tạo NCTNPT.

Kết luận chương 3

Tình hình NCTNPT hiện nay đang có chiều hướng diễn biến ngày càng phức tạp cả về số lượng, quy mô và tính chất gây hại cho xã hội vì vậy mà công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm do NCTN thực hiện đang là mối quan tâm của Đảng, Nhà nước và của toàn xã hội. Công cuộc đấu tranh này chỉ thật sự đạt hiệu quả khi hệ thống pháp luật quy định về NCTNPT và đường lối xử lý đối với NCTNPT thật hoàn thiện, chặt chẽ và thống nhất.

Có thể nói, các giải pháp nêu trên, đã phần nào góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với NCTN và phần nào giải quyết được một số vấn đề về lý luận và thực tiễn xung quanh hình phạt tù đối với NCTNPT, góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN, nâng cao hiệu quả trong việc đấu tranh và phòng chống tội phạm chưa thành niên.

KẾT LUẬN

Trong phạm vi nghiên cứu đề tài “**Hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Long An**” có thể đưa ra những kết luận sau:

Một là, NCTNPT là dạng đối tượng phạm tội đặc biệt, được sự quan tâm sâu sắc của cộng đồng quốc tế nói chung và Việt Nam nói riêng. Xuất phát từ đặc thù của lứa tuổi, NCTN có hành vi phạm tội khi bị xử lý hình sự có những quy định riêng tại phần chung của Bộ luật hình sự. Những quy định này thể hiện chính sách nhân đạo sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối với thế hệ trẻ của đất nước họ thực hiện hành vi phạm tội. Hình phạt tù là một trong số các hình phạt được quy định áp dụng đối với NCTNPT và là loại hình phạt nghiêm khắc nhất. Luật pháp quốc tế nói chung và pháp luật hình sự Việt Nam nói riêng khi quy định hình phạt tù đối với NCTNPT đều có khuyến cáo rằng chỉ sử dụng nó như biện pháp cuối cùng và cần phải hạn chế, để đảm bảo sự kết hợp hài hòa giữa các biện pháp hình sự nghiêm khắc nhất của Nhà nước với việc giáo dục, cải tạo NCTNPT và việc phòng ngừa chung.

Hai là, hình phạt tù là hình phạt có ảnh hưởng đặc biệt đối với NCTN, nhất là ảnh hưởng đến việc tái hòa nhập cộng đồng. Cho nên, khi áp dụng loại hình phạt này cần hết sức thận trọng. Bởi vì, chính sách hình sự của Việt Nam đối với NCTNPT nhấn mạnh đến nhu cầu thúc đẩy việc giáo dục và tái hòa nhập thay cho việc chỉ trừng phạt. việc áp dụng hình phạt tù một cách thận trọng và công bằng có tác dụng tạo cơ sở cho việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ có hiệu quả lợi ích của Nhà nước, các quyền và lợi ích của NCTN.

Ba là, trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, để nhân đạo hóa hơn nữa chính sách hình sự nói chung và luật hình sự nước ta nói riêng, cũng như để phù hợp với luật pháp quốc tế, thực tiễn xét xử, dưới góc độ nhận thức khoa học, nhà làm luật nước ta cần có những giải pháp hạn chế áp dụng hình phạt tù đối với NCTNPT trong thực tiễn xét xử như hiện nay.

Bốn là, với những giải pháp đã đề xuất, tác giả hy vọng rằng đề tài này sẽ góp phần vào việc hoàn thiện pháp luật hình sự hiện hành, giải quyết những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về việc xử lý đối với NCTNPT, bảo vệ tốt hơn nữa quyền con người của NCTN, phù hợp với Hiến pháp và Công ước quốc tế về bảo vệ quyền con người mà trong đó có NCTN mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, tiến đến xây dựng Nhà nước pháp quyền thật sự của dân, do dân và vì dân.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công An, Bộ Quốc Phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Thông tư liên tịch 09/2012/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 16/08/2012, hướng dẫn việc giảm, miễn, thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ và miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú, quản chế còn lại*, Hà Nội.
2. Bộ Tư pháp (1995), *Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Lê Cẩm, Đỗ Thị Phượng (2004), *Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên – Những khía cạnh pháp lý hình sự, tố tụng hình sự, tội phạm học và so sánh luật học Phần I – Khía cạnh pháp lý hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 20).
4. Chính phủ (2000), *Nghị định 61/2000/NĐ – CP của ngày 30/10/2000, về việc quy định hình phạt tù cho hưởng án treo*, Hà Nội.
5. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48 – NQ – TW, ngày 24/05/2005, về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
6. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49 – NQ/TW, ngày 02/06/2005, về tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng trong công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.
7. Nguyễn Minh Hải (2009), *Về nguyên tắc quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt đối với người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 09), tr. 22 - 26.
8. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ – HĐTP ngày 12/05/2006, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*. Hà Nội.
9. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết 04/2006/NQ – HĐTP ngày 12/05/2006, hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “xét xử sơ thẩm của BLTTHS 2003”*, Hà Nội.

10. Liên Hợp Quốc (1985), *Nguyên tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hiệp Quốc về hoạt động tư pháp đối với người chưa thành niên*, (Nguyên tắc Bắc Kinh).
11. Liên Hợp Quốc (1989), *Công ước về quyền trẻ em và các hướng dẫn của Liên Hiệp Quốc*.
12. Liên Hợp Quốc (1990), *Nguyên tắc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước đoạt tự do*, (Quy tắc Havana).
13. Trương Đức Long (2016), *Có bất cập khi áp dụng quy định của Bộ luật hình sự 2015 vào thực tiễn, mục diễn đàn nghiệp vụ?*, Trang thông tin điện tử VKS Hà Nội, <http://vkshanoi.gov.vn/chitietintuc?tintuc=3606>, cập nhật 01/03/2016.
14. C. Mác – Ph.Ăngghen (1984), *Tuyển tập, Tập 1*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
15. Nguyễn Thị Minh (2016), *Một số yếu tố tâm lý trong quá trình tố tụng đối với người dưới 18 tuổi*, Trang thông tin điện tử Học viện Tòa án, http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/hvta/27676686/27677461?p_page_id=27677461&pers_id=28346379&folder_id=&item_id=146486239&p_details=1, cập nhật 11/03/2016.
16. Cao Thị Oanh (2007), *Hoàn thiện những quy định về trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên*, Tạp chí Luật học, tháng 10/2007.
17. Cao Thị Oanh (2008), *Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
18. Đinh Văn Quế (2003), *Quyết định hình phạt tù đối với người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 5), tr.5 - 9.
19. Đinh Văn Quế (2010), *Tìm hiểu về tội phạm và hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
20. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Quốc hội (2004), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Hồ Sĩ Sơn (2007), *Nguyên tắc nhân đạo trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật.

24. Lê Thị Sơn (1997), *Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự*, Luận văn tiến sĩ Luật học, Trường Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh.
25. Trần Văn Sơn (1997), *Nhân thân người phạm tội – một số căn cứ để quyết định hình phạt*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
26. Quách Hữu Thái (2013), *Những vướng mắc trong thực tiễn xét xử người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 8), tr. 12- 16.
27. Tòa án nhân dân tỉnh Long An (2011) *Báo cáo tổng kết năm 2011 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2012 của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Long An*.
28. Tòa án nhân dân tỉnh Long An (2012) *Báo cáo tổng kết năm 2012 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2013 của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Long An*.
29. Tòa án nhân dân tỉnh Long An (2013) *Báo cáo tổng kết năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2014 của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Long An*.
30. Tòa án nhân dân tỉnh Long An (2014) *Báo cáo tổng kết năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2015 của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Long An*.
31. Tòa án nhân dân tỉnh Long An (2015) *Báo cáo tổng kết năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2016 của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Long An*.
32. Tòa án nhân dân tối cao (2001), *Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 04/08/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung Bộ luật Hình sự 1999*, Hà Nội.
33. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ nội vụ, *Thông tư số 01/1998/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BNV ngày 02/01/1998, hướng dẫn áp dụng một số quy định của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
34. Trương Thị Quỳnh Trâm (2014), *Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
35. Trường Đại học luật Hà Nội (2009), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam, Tập 1*, Nxb Công an nhân dân.

36. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh(2001), *Bình luận Bộ luật hình sự năm 1999 (2001)*, Khoa Luật hình sự.
37. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh(2008, 2009), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Khoa Luật hình sự.
38. Phạm Minh Tuyên (2016), *Về những quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 6) tr.16- 21.
39. Võ Khánh Vinh (1996), *Tội phạm học, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Võ Khánh Vinh (2002), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb Công an nhân dân.
41. Trần Thị Quang Vinh (2010), *Luật hình sự Việt Nam, phần chung*, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.